

CÂU HỎI GỬI ĐẾN THÀNH PHỐ VÀ CÁC TỈNH

I. Các nội dung liên quan đến Sở Y tế:

Một số thông tin liên quan xử lý chất thải y tế của thành phố Đà Nẵng

Câu hỏi 1: Số bệnh viện

- Hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 25 bệnh viện gồm:
 - 05 BV TW
 - 06 BV tư nhân + ngoài công lập
 - 08 BV công lập đa khoa và chuyên khoa tuyến thành phố
 - 07 BV công lập đa khoa tuyến quận, huyện
- Tổng số giường bệnh là 5.886 GB.

Câu hỏi 2: Về xử lý chất thải y tế bệnh viện

Ngành Y tế thành phố Đà Nẵng thực hiện quản lý chất thải bệnh viện theo Quyết định của UBNDTP số 8708/QĐ-UBND (đính kèm)

- **Đối với rác thải:** Các BV tập trung, phân loại rác thải theo qui định tại BV. Các BV ký hợp đồng với Công ty MTĐT Urenco Đà Nẵng vận chuyển rác thải về xử lý tập trung (đốt) tại Bãi rác Khánh Sơn. Chi phí theo gia qui định của UBND thành phố
 - Hiện nay, lượng rác thải nguy hại cần xử lý của các BV khoảng 700 kg/ngày. Dự kiến đến năm 2020 số lượng rác thải nguy hại cần xử lý xấp xỉ 2 tấn/ngày.
 - Khó khăn: Trong thời gian rác thải đã phân loại tập trung tại BV đang chờ Xe chuyên dụng của Urenco đến vận chuyển cần có nơi chứa rác phù hợp như đảm bảo duy trì nhiệt độ.
- **Đối với nước thải:**
 - Tuyến thành phố: 6/8 BV đã có hệ thống xử lý nước thải; 02 BV chưa có hệ thống XLNT là BV Tâm Thần và BV Điều dưỡng PHCN.
 - Tuyến quận, huyện: 5/7 BV đã có hệ thống XLNT; còn 2 BV chưa có hệ thống XLNT là Sơn Trà và Hòa Vang.
 - Các đơn vị y tế không giường bệnh có liên quan đến xả thải mà chưa có hệ thống XLNT là: Trung tâm Răng Hàm Mặt, Trung tâm Y tế Dự phòng, TT Sức khỏe sinh sản, TT Cấp cứu, TT Kiểm nghiệm, TT Pháp Y.

II. Các nội dung liên quan đến Sở Tài nguyên và Môi trường:

1. Thống kê khối lượng xử lý chất thải công nghiệp – y tế

STT	Khối lượng CTR	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	CTR Công nghiệp	1.991,263	2.342,663	2.974,865	3.657,731	4.184,747	6.671
1.1	CTR công nghiệp không nguy hại	1.991,263	2.342,663	2.756,074	3.242,440	3.917,440	6.300
1.2	CTR công nghiệp nguy hại			218,791	415,291	267,307	371
2	CTR y tế	979,120	1.087,911	1.353,080	1.492,663	1.737,904	2.109
2.1	CTR y tế không nguy hại	979,120	1.087,911	1.208,790	1.343,100	1.552,500	1.890
2.1	CTR y tế nguy hại			144,290	149,563	185,404	219

2. Năng lực xử lý

Hệ thống xử lý chất thải hiện có:

- Bãi chôn lấp hợp vệ sinh gồm 5 hộc rác với tổng diện tích 15ha
- 1 Hộc rác nguy hại: 05 ha
- Lò đốt rác thải CN-YT gồm 2 lò: Lò 100kg/h đốt rác thải công nghiệp nguy hại, lò 200kg/h đốt rác thải y tế nguy hại
- Hệ thống thiết bị ổn định và đóng rắn chất thải

3. Hiện trạng thu gom và xử lý

* Đối với chất thải công nghiệp – y tế không nguy hại

Chất thải công nghiệp – y tế không nguy hại được thu gom riêng và xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại bãi rác Khánh Sơn.

* Đối với chất thải công nghiệp – y tế nguy hại

Thu gom bằng phương tiện chuyên dụng và vận chuyển đến khu xử lý chất thải nguy hại để xử lý.

- Chất thải y tế nguy hại được xử lý tiêu hủy bằng lò đốt 200kg/h, tro xỉ được ổn định đóng rắn và chôn lấp tại hộc rác nguy hại

- Chất thải công nghiệp nguy hại được xử lý bằng phương pháp tiêu hủy bằng lò đốt 100kg/h hoặc ổn định đóng rắn và chôn lấp tại hộc rác nguy hại.

4. Chi phí xử lý

Theo quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 31/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng v/v quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, quy định mức thu phí xử lý chất thải công nghiệp – y tế như sau:

Stt	Rác thải	Chi phí xử lý
I	Bệnh viện, cơ sở y tế	
I.1	Rác thải sinh hoạt tại Trạm y tế phường, xã	100.000đ/đơn vị/tháng
I.2	Rác thải sinh hoạt tại bệnh viện, cơ sở y tế	160.000đ/m ³ rác
I.3	Rác thải y tế nguy hại tại các bệnh viện, trung tâm y tế quận, huyện	10.000đ/kg
I.4	Rác thải y tế nguy hại tại trạm y tế xã	200.00đ/đơn vị/tháng
I.5	Rác thải y tế nguy hại tại trạm y tế phường	300.00đ/đơn vị/tháng
I.6	Rác thải y tế nguy hại tại cơ sở y tế tư nhân có thực hiện thủ thuật	300.00đ/đơn vị/tháng
I.7	Rác thải y tế nguy hại tại cơ sở y tế tư nhân không thực hiện thủ thuật	200.00đ/đơn vị/tháng
II	Nhà máy, cơ sở sản xuất	
II.1	Rác thải sinh hoạt	160.000đ/m ³ rác
II.2	Rác thải công nghiệp nguy hại xử lý bằng phương pháp đốt	6.000đ/kg
II.3	Rác thải công nghiệp nguy hại xử lý bằng phương pháp đóng rắn	5.000đ/kg

* Ghi chú: Đối với chất thải công nghiệp nguy hại tùy từng đặc tính cụ thể và phương pháp xử lý chất thải mà có chi phí xử lý phù hợp.

5. Khó khăn:

- Công tác phân loại chất thải nguy hại và không nguy hại tại nguồn chưa được thực hiện nghiêm túc và đúng qui định. Điều này đã gây khó khăn rất lớn cho Công ty trong công tác thu gom và xử lý.

- Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đầu tư cho công tác quản lý chất thải công nghiệp, chất thải y tế còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu xử lý.

- Ý thức bảo vệ môi trường của các chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất còn hạn chế.

Bên cạnh đó hành lang pháp lý còn lỏng lẻo, chưa có các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các cơ sở gây ô nhiễm. Do vậy vẫn còn nhiều đơn vị né tránh việc hợp đồng

với Công ty hoặc trộn lẫn giữa các loại chất thải nguy hại và không nguy hại để giảm thiểu chi phí xử lý rác thải.

- Thành phố Đà Nẵng vẫn chưa thực hiện tốt việc kê khai chất thải công nghiệp nguy hại của các cơ sở sản xuất công nghiệp, do vậy công tác quản lý loại rác thải này gặp rất nhiều khó khăn.

6. Kiến nghị:

- Thành phố xây dựng một chương trình và mô hình quản lý chất thải công nghiệp toàn diện, sâu rộng và chặt chẽ (quản lý tất cả các khâu từ phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý) với sự tham gia của các nhà đầu tư, các tổ chức môi trường, các cơ sở công nghiệp, cơ sở y tế và cộng đồng dân cư.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đưa công tác quản lý chất thải nguy hại vào nội dung hoạt động của các cơ sở công nghiệp. Phải có sự phân công và chịu trách nhiệm rõ ràng.

- Việc phân loại rác tại nguồn phải được kiểm tra nghiêm ngặt và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Vì công tác này sẽ giúp cho việc quản lý, thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt hiệu quả cao và kinh tế hơn.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, vật chất phục vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Ban hành cơ chế nghiêm ngặt đối với các cơ sở phát thải chất thải nguy hại. Đồng thời thực hiện các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các cơ sở vi phạm.

- Chú trọng việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân để nâng cao trách nhiệm của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Trong đó nhấn mạnh vấn đề nguy cơ và ảnh hưởng của chất thải nguy hại cho sức khỏe cộng đồng và môi sinh.

- Xã hội hoá công tác xử lý chất thải. Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động xử lý chất thải và cần phải huy động đến mức cao nhất sự tham gia của xã hội vào việc xử lý chất thải.

III. NHU CẦU ĐẦU TƯ

Thành phố có định hướng xây dựng thành phố Đà Nẵng là thành phố môi trường trong năm 2020 với các tiêu chí liên quan đến công tác quản lý CTCNYT như sau:

- Kiểm soát được các nguồn phát sinh chất thải nguy hại và thực hiện xử lý hợp vệ sinh bao gồm: Điều tra thống kê chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố; xây dựng

hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại; xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung;

- Hình thành và phát triển công nghiệp tái chế chất thải để tái sử dụng. Phần đầu 70% chất thải rắn được tái chế ;

- Xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

Để đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải hiện nay cũng như phù hợp với qui hoạch chung của thành phố, cần nâng cấp và cải thiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp y tế như: Đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, đầu tư dây chuyền công nghệ xử lý hợp lý chất thải, giảm thiểu chôn lấp (lò đốt rác CN-YT không nguy hại, lò đốt rác CN-YT nguy hại, công nghệ xử lý bùn thải...)

8. ラムドン省の資料
資料①

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /BC-STNMT

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ, CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thực hiện công văn số 175/UBND-CN ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc làm việc với Công ty tư vấn Nhật bản về dự án lò đốt rác y tế.

Sau khi tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo công tác quản lý chất thải y tế, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

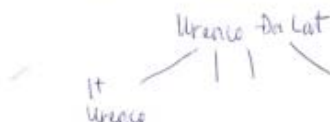
1. Tình hình phát sinh và quản lý chất thải y tế, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại (CTNH)

Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng số lượng chất thải rắn (CTR) công nghiệp, xây dựng phát sinh không nhiều và chưa tiến hành phân loại thu gom riêng, mới chỉ thu gom được vào các bãi rác CTR sinh hoạt. Hiện đã có 20 đơn vị được cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại ở Lâm Đồng. Do đặc thù các loại hình sản xuất công nghiệp của tỉnh chủ yếu là sản xuất nông sản hoặc ngành nghề ít phát sinh chất thải và quy mô nhỏ, do vậy chỉ có một số đơn vị có chất thải nguy hại thông thường phát sinh khoảng 120kg/năm. Chất thải nguy hại phát sinh là chất thải y tế, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải bôi trơn tổng hợp.

Trong năm 2011, tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh của các đơn vị có đăng ký Chủ nguồn thải CTNH là 101,58 tấn, trong đó tổng số lượng đã xử lý là 101,21 tấn. Tỷ lệ xử lý CTNH là khá cao do phần lớn CTNH phát sinh từ các cơ sở y tế, được thu gom, xử lý hàng ngày theo đúng quy định của Bộ Y tế. Ngoài ra, các Công ty điện lực cũng đã hợp đồng xử lý CTNH với các đơn vị có giấy phép hoạt động phù hợp. Chỉ có 2 đơn vị hoạt động du lịch là vẫn còn phải tồn trữ CTNH tại kho của đơn vị.

Theo số liệu thống kê bình quân tỉ lệ rác thải y tế tăng mỗi năm từ 6-7%, và hiện tại chất thải y tế phát sinh tại các bệnh viện và Trung tâm Y tế tuyến huyện là 25,46 tấn/6 tháng (đối với các đơn vị đã có báo cáo tình hình quản lý CTNH).

Thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt được đầu tư 02 lò đốt rác y tế tập trung. UBND tỉnh tạm giao cho các công ty quản lý công trình đô thị địa phương quản lý vận hành để xử lý lượng rác thải y tế từ các bệnh viện, trung tâm y tế trong khu vực 02 thành phố. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Môi trường Đô thị Đà Lạt quản lý, thu gom và vận hành 01 lò đốt CTNH công suất 1 tấn/ngày tại phường 5, Đà Lạt. Hiện nay, lò đốt xử lý trung bình 150 kg/ngày, chủ yếu là rác thải y tế được thu gom từ Bệnh viện Đa khoa Tỉnh và các Trung tâm y tế trên địa bàn thành phố Đà Lạt bằng xe chuyên dụng. Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc quản lý, thu gom và vận



hành 01 lò đốt chất thải nguy hại công suất 600kg/ngày đặt tại bãi rác thuộc thôn 14, xã Đam B'ri. Hiện tại, Công ty đang xử lý trung bình hơn 50 kg/ngày.

Trung tâm y tế của 7 (12) huyện, thành phố của Tỉnh có lò đốt rác y tế tuy nhiên tất cả các cơ sở này đều chưa tiến hành xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Theo số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm 2012 của các đơn vị chưa được trang bị lò đốt chất thải y tế thì khối lượng chất thải phát sinh như sau: Trung tâm Y tế Bảo Lâm phát sinh 636,2 kg; Trung tâm Y tế Đam Rông phát sinh 750 kg; Trung tâm Y tế huyện Đa Tịch phát sinh 7.980 kg.

Hiện nay, ngành y tế đang chỉ đạo các Trung tâm y tế tiếp tục lập hồ sơ môi trường hoặc hoàn thiện hồ sơ pháp lý về môi trường. Do vậy, các Chủ nguồn thải này chưa đủ điều kiện để được cấp giấy phép đăng ký chủ xử lý CTNH của chính đơn vị phát sinh. Đối với rác thải y tế từ các cơ sở y tế tư nhân hiện chưa có giải pháp thu gom và xử lý triệt để, vẫn được thu gom chung với rác thải sinh hoạt.

Các số liệu thống kê trên được tổng hợp dựa trên hồ sơ cấp Sổ chủ nguồn thải CTNH cho 20 đơn vị, trong đó lĩnh vực Y tế: 06; Điện lực: 11; Du lịch: 01; Dệt: 01 và Bảo trì, bảo dưỡng xe: 01. Qua kiểm tra thực tế, các chủ nguồn thải CTNH hầu hết đều xây dựng kho chứa hoặc bố trí riêng nơi để CTNH và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc thu gom, lưu trữ, dán nhãn, cách ly,... theo quy định của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với các đơn vị có số lượng chất thải nguy hại phát sinh dưới mức phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa có số liệu về loại và khối lượng phát sinh cụ thể. Tuy nhiên, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn cho các đơn vị biện pháp thu gom, lưu trữ và định kỳ báo cáo theo đúng quy định.

2. Khó khăn và hạn chế

Đối với chất thải rắn, do địa bàn thu gom rộng và phân tán, phương tiện thu gom không đến được địa điểm thu gom; hơn nữa kinh phí đầu tư cho công tác thu gom chất thải rắn còn hạn chế, vì vậy tỷ lệ thu gom chất thải rắn không cao. Ngoài ra, chi phí thu gom lớn, chưa có giải pháp tái chế, tái sử dụng, do đó ngân sách luôn phải bù lỗ cho các hoạt động này.

Hầu hết các chất thải công nghiệp phát sinh từ các cơ sở sản xuất công nghiệp tại các địa phương trên địa bàn Tỉnh đều được thu gom và tập trung đưa về bãi rác để xử lý. Do trình độ công nghệ còn thấp nên vấn đề tái chế và tái sử dụng chất thải công nghiệp chưa được các doanh nghiệp chú trọng, công tác phân loại rác tại nguồn chưa được quan tâm đúng mức. Phí thu gom chất thải rắn công nghiệp chưa được tính toán và thu đầy đủ. Tỉnh Lâm Đồng đang phải chi trả kinh phí khá lớn cho vấn đề này.

Việc phân loại chất thải rắn tại nguồn chưa được triển khai đồng bộ nên trong chất thải rắn đô thị còn lẫn lộn nhiều chất thải nguy hại. Tỉnh hiện chưa có nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt (sản xuất phân compost hoặc đốt). Phế liệu sau khi phân loại tái chế tại chỗ hoặc đưa về các thành phố lớn (thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai,...) để tái sinh, tái chế ngày càng nhiều. Chất thải công nghiệp chưa được quản lý chặt chẽ, vẫn được thu gom và đổ chung với chất thải rắn đô thị. Trong khi đó, toàn tỉnh hiện chưa có nhà máy xử lý chất thải công nghiệp.

Từ khi các văn bản pháp lý quy định về quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có ý thức chấp hành các quy định này. Tuy nhiên, vì lượng chất thải nguy hại phát sinh từ các doanh nghiệp còn phân tán, không tập trung và trên địa bàn Tỉnh cũng chưa có đơn vị nào có khả năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định, do vậy việc quản lý gặp nhiều khó khăn. Đây là một vấn đề cần được xem xét tập trung giải quyết trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Công thương;
- Cty Aikawa Asia Business Consultants;
- Lưu: VT, CCBVMT. *H*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Văn Ngự
Lương Văn Ngự

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 423 /BC-SYT
V/v đề xuất nội dung làm việc
với Công ty tư vấn Nhật Bản
về dự án lò đốt rác thải y tế.

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 01 năm 2013

Kính gửi: Sở Tài nguyên và môi trường Lâm Đồng,

Thực hiện Công văn số 195/UBND-CN ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuẩn bị nội dung làm việc với Công ty tư vấn Nhật Bản về dự án lò đốt rác thải y tế, Sở Y tế xin báo cáo tình hình quản lý, xử lý chất thải y tế hiện nay trên địa bàn tỉnh và đề xuất một số nội dung chuẩn bị cho buổi làm việc như sau:

1. Tình hình quản lý chất thải rắn tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

Chất thải rắn được các cơ sở y tế phân loại thành chất thải sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại:

- Xử lý chất thải sinh hoạt: Các cơ sở đã ký hợp đồng với công ty Quản lý công trình đô thị của các địa phương để thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định;

- Xử lý chất thải y tế nguy hại: Thực hiện Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT, ngày 03/12/2007 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế và Chiến lược Quốc gia về Bảo vệ môi trường đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng tại Công văn số 758/UBND ngày 04/02/2008 việc xử lý chất thải y tế tại tỉnh Lâm Đồng, rác thải y tế nguy hại đã được thực hiện như sau:

+ Đối với rác thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế đóng trên địa bàn thành phố Đà Lạt được xử lý chung tại lò đốt rác thải y tế do Công ty Quản lý công trình đô thị TP. Đà Lạt thực hiện (thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty với các cơ sở y tế);

+ Đối với rác thải y tế nguy hại tại cơ sở y tế đóng trên địa bàn TP. Bảo Lộc được xử lý chung tại lò đốt rác thải y tế do Công ty Quản lý công trình đô thị TP. Bảo Lộc thực hiện (thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty với các cơ sở y tế);

+ Đối với các huyện: Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư khác nhau, đến nay ngành y tế Lâm Đồng đã đầu tư và đưa vào sử dụng lò đốt rác thải y tế nguy hại tại Trung tâm y tế các huyện: Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Đạ Huoai, Cát Tiên, Lạc Dương và Đơn Dương;

2. Một số khó khăn.

- Theo Công văn số 758/UBND ngày 04/02/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì rác thải y tế trên địa bàn huyện Bảo Lâm sẽ được thu gom về xử lý tại lò đốt rác thải y tế của TP. Bảo Lộc, nhưng hiện nay chưa thực hiện được do chi

phí vận chuyển mà Công ty Quản lý công trình đô thị TP. Bảo Lộc đưa ra là 1.200.000 đồng/1 chuyến vận chuyển từ Trung tâm y tế huyện Bảo Lâm về đến địa điểm lò đốt của Bảo Lộc (tổng chi phí vận chuyển và xử lý một năm ước khoảng 440 triệu đồng), vì vậy Trung tâm y tế huyện Bảo Lâm chưa đủ kinh phí để thực hiện và hai bên chưa ký kết được hợp đồng vận chuyển, xử lý.

- Đối với Trung tâm y tế các huyện còn lại: Hiện còn 01 Trung tâm y tế huyện Đa Tềh chưa được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn. Việc xử lý rác thải y tế nguy hại tại đơn vị này hiện nay đang thực hiện bằng hình thức chôn lấp và khử khuẩn hồ rác thải theo quy định của Bộ Y tế.

- Đối với các Phòng khám đa khoa khu vực: Hiện nay mới chỉ có các Phòng khám đa khoa khu vực nằm trên địa bàn TP. Đà Lạt và Bảo Lộc được thu gom và xử lý tại lò đốt rác tập trung. Các Phòng khám đa khoa khu vực còn lại trong tỉnh (còn 18 Phòng khám đa khoa khu vực) chưa có hệ thống xử lý chất thải rắn, việc xử lý chất thải rắn y tế đang được thực hiện bằng hình thức đốt thủ công, chôn lấp và khử khuẩn hồ rác thải.

- Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn: Hiện nay mới chỉ có các Trạm y tế nằm trên địa bàn TP. Đà Lạt và Bảo Lộc được thu gom và xử lý tại lò đốt rác tập trung. Các Trạm y tế còn lại trong tỉnh (còn 121 Trạm y tế) chưa có hệ thống xử lý chất thải rắn y tế đang được thực hiện bằng hình thức chôn lấp, đốt thủ công và khử khuẩn hồ rác thải.

- Đối với các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn: Hiện nay hầu hết rác thải y tế của các cơ sở y tế tư nhân chưa được thu gom và chưa được xử lý theo đúng quy định.

3. Đề nghị:

Để đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế về xử lý chất thải; Sở Y tế Lâm Đồng đề nghị Sở Tài nguyên môi trường xem xét và đề xuất nguồn vốn, công nghệ xử lý chất thải rắn y tế phù hợp cho các đơn vị trong ngành như sau:

- Đối với Trung tâm y tế huyện: Đầu tư hệ thống xử lý rác thải y tế cho Trung tâm y tế huyện Đa Tềh.

- Đối với các Phòng khám đa khoa khu vực: Hiện còn 18 Phòng khám đa khoa khu vực chưa có hệ thống xử lý rác thải. Việc vận chuyển rác thải y tế từ các Phòng khám đa khoa khu vực về các Trung tâm y tế để đốt tập trung đang gặp nhiều khó khăn do cự ly vận chuyển xa và không có phương tiện vận chuyển chuyên dụng. Vì vậy, Sở Y tế Lâm Đồng đề nghị đầu tư lò đốt rác thải y tế công suất nhỏ (công nghệ vi sóng) phù hợp với quy mô của Phòng khám đa khoa khu vực từ 10 - 15 giường bệnh.

- Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn: Hiện còn 121 Trạm y tế chưa được thu gom và xử lý rác thải theo đúng quy định. Việc vận chuyển rác thải y tế từ các Phòng khám đa khoa khu vực này về các Trung tâm y tế để đốt tập trung đang gặp nhiều khó khăn do cự ly vận chuyển xa và không có phương tiện vận chuyển chuyên dụng. Vì vậy, Sở Y tế Lâm Đồng đề nghị nghiên cứu và đầu

tư lò đốt rác thải y tế công suất nhỏ (công nghệ vi sóng) để phù hợp với quy mô của Trạm y tế.

Sở Y tế Lâm Đồng báo cáo và đề nghị Sở Tài nguyên môi trường xem xét đề xuất nguồn vốn đầu tư và công nghệ xử lý phù hợp để ngành y tế thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải y tế trên địa bàn.

- Nơi nhận: *Hand*
- Như trên (để báo cáo);
 - UBND tỉnh (để báo cáo);
 - Lưu: KHTH, NVYD, VP.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Bạch Yến

Phạm Thị Bạch Yến

TRẢ LỜI CÂU HỎI CỦA TƯ VẤN NHẬT BẢN VỀ CHẤT THẢI Y TẾ

1. *Thực trạng xử lý chất thải y tế cũng như cách thức ở từng địa phương, khu vực (thông tin thống kê, công văn báo cáo có liên quan):*

Trả lời: Chất thải rắn được các cơ sở y tế phân loại thành chất thải sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại:

- Xử lý chất thải sinh hoạt: Các cơ sở đã ký hợp đồng với công ty Quản lý công trình đô thị của các địa phương để thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định;

- Xử lý chất thải y tế nguy hại:

+ Đối với rác thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế đóng trên địa bàn thành phố Đà Lạt được xử lý chung tại lò đốt rác thải y tế do Công ty Quản lý công trình đô thị TP. Đà Lạt thực hiện (thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty với các cơ sở y tế);

+ Đối với rác thải y tế nguy hại tại cơ sở y tế đóng trên địa bàn TP. Bảo Lộc được xử lý chung tại lò đốt rác thải y tế do Công ty Quản lý công trình đô thị TP. Bảo Lộc thực hiện (thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty với các cơ sở y tế);

+ Đối với các huyện: Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư khác nhau, đến nay ngành y tế Lâm Đồng đã đầu tư và đưa vào sử dụng lò đốt rác thải y tế nguy hại tại Trung tâm y tế các huyện: Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Đạ Huoai, Cát Tiên, Lạc Dương và Đơn Dương;

Một số khó khăn:

- Hiện còn 01 Trung tâm y tế huyện Đạ Tẻh chưa được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn. Việc xử lý rác thải y tế nguy hại tại đơn vị này hiện nay đang thực hiện bằng hình thức chôn lấp và khử khuẩn hồ rác thải theo quy định của Bộ Y tế.

- Đối với các Phòng khám đa khoa khu vực: Hiện nay mới chỉ có các Phòng khám đa khoa khu vực nằm trên địa bàn TP. Đà Lạt và Bảo Lộc được thu gom và xử lý tại lò đốt rác tập trung. Các Phòng khám đa khoa khu vực còn lại trong tỉnh (còn 18 Phòng khám đa khoa khu vực) chưa có hệ thống xử lý chất thải rắn, việc xử lý chất thải rắn y tế đang được thực hiện bằng hình thức đốt thủ công, chôn lấp và khử khuẩn hồ rác thải.

- Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn: Hiện nay mới chỉ có các Trạm y tế nằm trên địa bàn TP. Đà Lạt và Bảo Lộc được thu gom và xử lý tại lò đốt rác tập trung. Các Trạm y tế còn lại trong tỉnh (còn 121 Trạm y tế) chưa có hệ thống xử lý chất thải rắn, việc xử lý chất thải rắn y tế đang được thực hiện bằng hình thức chôn lấp, đốt thủ công và khử khuẩn hồ rác thải.

- Đối với các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn: Hiện nay hầu hết rác thải y tế của các cơ sở y tế tư nhân chưa được thu gom và chưa được xử lý theo đúng quy định.

2. *Kế hoạch cải thiện cùng với phương châm trong vấn đề cải thiện việc xử lý chất thải y tế tại địa phương, khu vực:*

Trả lời: Hiện nay việc xử lý chất thải y tế đang gặp nhiều khó khăn do không có nguồn vốn đầu tư.

3. *Những kỳ vọng đối với Nhà Nước (Bộ Y tế) trong vấn đề xử lý chất thải y tế tại địa phương, khu vực:*

Trả lời: Chính phủ rất quan tâm đến vấn đề xử lý chất thải y tế nhưng hiện nay trong bối cảnh kinh tế đang gặp nhiều khó khăn nên các nguồn vốn đầu tư từ Chính phủ đang bị hạn chế.

4. Với mục đích phổ biến việc xử lý chất thải y tế thích hợp tại khu vực, địa phương có chỉ đạo một loại hình xử lý nào không:

Trả lời: Hiện nay đang khuyến khích các địa phương áp dụng những công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải, tuy nhiên do khó khăn về nguồn vốn nên chưa triển khai thực hiện được.

5. Những khó khăn thách thức cũng như sự kỳ vọng trong việc cung cấp cho các khu vực lò đốt được tài trợ từ nguồn vốn ODA của chính phủ Nhật Bản:

Trả lời: Nếu được đầu tư các lò đốt rác thải y tế từ nguồn vốn ODA của chính phủ Nhật Bản thì sẽ giúp cho địa phương rất nhiều trong việc xử lý ô nhiễm môi trường.

6. Những khó khăn gặp phải cũng như tình trạng của dự án hỗ trợ từ Ngân hàng Thế giới (tại khu vực thực hiện):

Trả lời: Trong những năm gần đây ngành y tế Lâm Đồng không có dự án nào đầu tư từ nguồn vốn của Ngân hàng thế giới.

CUNG CẤP MỘT SỐ THÔNG TIN

1. Số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

- Tuyển tỉnh: gồm có 7 bệnh viện là:

+ Bệnh viện đa khoa tỉnh (TP. Đà Lạt)

+ Bệnh viện II Lâm Đồng (TP. Bảo Lộc)

+ Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng (TP. Đà Lạt)

+ Bệnh viện y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch (TP. Đà Lạt)

+ Bệnh viện y học cổ truyền Bảo Lộc (TP. Bảo Lộc)

+ Bệnh viện nhi Lâm Đồng

+ Bệnh viện Hoàn Mỹ (TP. Đà Lạt)

- Tuyển huyện: Có 12 Trung tâm y tế huyện, thành phố

2. Số bệnh viện tự xử lý chất thải y tế: Hiện nay có 7 trung tâm y tế huyện xử lý rác thải bằng lò đốt đặt tại trung tâm là: Trung tâm y tế Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Đạ Huoai, Cát Tiên, Lạc Dương và Đơn Dương.

3. Số lượng công ty xử lý bên ngoài: Hiện nay có 02 địa phương xử lý rác thải y tế tại lò đốt tập trung do Công ty quản lý công trình đô thị thực hiện là TP. Đà Lạt và TP. Bảo Lộc.

- Đối với rác thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế đóng trên địa bàn thành phố Đà Lạt được xử lý chung tại lò đốt rác thải y tế do Công ty Quản lý công trình đô thị TP. Đà Lạt thực hiện (thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty với các cơ sở y tế) gồm có các cơ sở y tế sau: Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch, Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng, Bệnh viện nhi Lâm Đồng, Bệnh viện hoàn mỹ, các phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế đóng trên địa bàn TP. Đà Lạt

- Đối với rác thải y tế nguy hại tại cơ sở y tế đóng trên địa bàn TP. Bảo Lộc được xử lý chung tại lò đốt rác thải y tế do Công ty Quản lý công trình đô thị TP. Bảo Lộc thực hiện (thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty với các cơ sở y tế) gồm có các cơ sở y tế sau: Bệnh viện II Lâm Đồng, Bệnh viện y học cổ truyền Bảo Lộc, các phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế đóng trên địa bàn TP. Bảo Lộc.

4. Tỷ lệ dùng phương pháp đốt (tỷ lệ xử lý bằng lò đốt, xử lý bằng cách chôn lấp, cụ thể từng khu vực nêu được):

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh còn 18 Phòng khám đa khoa khu vực và 121 trạm y tế đang xử lý bằng chôn lấp và đốt thủ công.

5. Chi phí xử lý (cụ thể từng chi phí chẳng hạn như: nhân công, nhiên liệu, khấu hao, vv...):

- Chi phí xử lý chất thải rắn y tế hiện nay đối với các lò đốt rác thải đặt tại các Trung tâm y tế huyện khoảng 10.000.000 đồng/1 tấn rác thải y tế.

LÒ ĐỐT CHẤT THẢI Y TẾ

Hiện tại, Khánh Hòa có tất cả 13 lò đốt chất thải y tế đặt tại các bệnh viện và trung tâm, trong đó có 01 lò bị hư hại nặng và dừng hoạt động vĩnh viễn (BV Da liễu), 01 lò lắp thử nghiệm không đạt yêu cầu nên không được phép hoạt động (BV Quân dân y Khánh Hòa), 01 lò đốt của Bệnh viện 87 không tiếp cận được thông tin cụ thể. Số lượng lò đang hoạt động là 11, tổng công suất có thể xử lý lớn hơn 732,5 kg/giờ. Trong đó:

Nha Trang có 03 lò: tổng công suất lớn hơn 60 kg/giờ

Diên Khánh có 02 lò: tổng công suất 37,5 kg/giờ

Cam Ranh có 01 lò: tổng công suất 75 kg/giờ

Cam lâm có 01 lò: tổng công suất 150 kg/giờ

Khánh Vĩnh có 01 lò: tổng công suất 100 kg/giờ

Khánh Sơn có 01 lò: tổng công suất 60 kg/giờ

Ninh Hòa có 02 lò: tổng công suất 250 kg/giờ

Vạn Ninh không có

Theo số liệu điều tra của Sở Y tế, ước tính năm 2012, lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh trong cả tỉnh khoảng **670 kg/ngày**. Khu vực Nha Trang là nhiều nhất với khối lượng lớn hơn 340 kg/ngày.

Tuy tổng công suất xử lý chất thải y tế nguy hại của tỉnh hiện nay cao hơn so với số lượng phát sinh thực tế, nhưng các lò đốt này được phân bố và sử dụng xử lý cục bộ chất thải nguy hại của đơn vị chủ quản với khối lượng khoảng **138 kg/ngày**. Do đó, lượng chất thải y tế chưa được xử lý bằng lò đốt chuyên dụng là rất lớn, với số lượng khoảng **532 kg/ngày**.

(Cụ thể về phân bố và tình trạng hoạt động của các lò đốt theo bảng)

Bảng thống kê cụ thể lò đốt chất thải y tế tại các bệnh viện và tình trạng hoạt động

TT	Bệnh viện	Số lượng	Công suất thiết kế	Công nghệ	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động
1.	Bệnh viện Da Liễu 3832252	1	400-500 kg/giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diesel	2001	Đã bị hư và ngừng hoạt động vĩnh viễn
2.	Phân viện thú y miền Trung 3831118	2	20-30 kg/giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diesel	một lò năm 2009 một lò năm 2011	Đang hoạt động tốt
3.	Bệnh viện chuyên khoa tâm thần 3780002	1	25 kg/h, hoạt động tối đa 8 giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diesel	01/2012	Đang hoạt động tốt. Thực tế sử dụng đốt khoảng 3kg/ngày
4.	BVĐK huyện Diên Khánh	1	12,5 kg/h	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diesel	2008	Bị hư bảng mạch điều khiển, đã sửa lại và hoạt động bình thường
5.	BVĐK khu vực Ninh Hòa 3635723	1	100kg/giờ sau mỗi mẻ đốt phải nghỉ 48 giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diesel	06/2008	Đã hư hại và sửa chữa 5 lần từ khi hoạt động, hiện giờ đang hoạt động bình thường
6.	BVĐK khu vực Ninh Diêm	1	150 kg/giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diesel	2011	Đang hoạt động tốt
7.	BVĐK khu vực Cam Ranh 3467001	1	75 kg/giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diesel	2008	bị hư hại bê tông chịu nhiệt buồng đốt thứ cấp và đã được sửa chữa Đang hoạt động bình thường
8.	BVĐK huyện Cam	1	150 kg/giờ	02 buồng đốt		Đang hoạt động bình thường

	Lâm			nhiên liệu: dầu diezel		Thực tế đốt khoảng 30kg/giờ
9.	BVĐK huyện Khánh Vĩnh 3790251	1	100kg/giờ mỗi mẻ đốt tối đa 2 giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diezel	2009	Đang hoạt động bình thường Thực tế đốt khoảng 10-12kg/ngày
10.	BVĐK huyện Khánh Sơn 3849262	1	50 – 60 kg/giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diezel	06/2009	Đang hoạt động bình thường
11.	Bệnh viện quân dân y Khánh Hòa	1	35 kg/giờ	02 buồng đốt nhiên liệu: dầu diezel	2011	Khi bệnh viện lắp đặt và đưa vào thử nghiệm gây ô nhiễm môi trường và bị người dân phản ánh; vị trí đặt lò sát khu dân cư nên Sở TNMT không cho phép hoạt động Hiện tại lò đang được lưu giữ trong kho của bệnh viện
12.	Bệnh viện 87	1	Chưa có thông tin cụ thể			

10. アンザン省の資料
受領資料①

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: 1015a/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục các cơ sở, điểm gây ô nhiễm
môi trường nghiêm trọng cần xử lý trên địa bàn tỉnh An Giang
(bổ sung danh sách theo Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/10/2011)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng";

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích;

Căn cứ Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích;

Căn cứ Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh về việc duyệt danh mục các cơ sở, điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 76b/TTr-STNMT ngày 20/6/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các cơ sở, điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý trên địa bàn tỉnh An Giang (bổ sung danh sách theo

Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/10/2011), bao gồm 09 bệnh viện (Kèm theo phụ lục danh mục các cơ sở, điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các dự án xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; thẩm định, trình phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố: Phú Tân, Thoại Sơn, Chợ Mới, An Phú; Châu Thành, Long Xuyên và thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *le*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: TN&MT, Y tế, KH&ĐT, Tài chính;
- UBND các huyện, thị: Phú Tân, Thoại Sơn, Chợ Mới, An Phú, Châu Thành, Long Xuyên;
- VP.UBND tỉnh: CVP, P. KT, ĐTXD & TH;
- Lưu: VT.



Võ Anh Kiệt



PHỤ LỤC

Biên các cơ sở, điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh An Giang
 Quyết định số 1015a/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

ST T	Tên bệnh viện	Địa chỉ	Lý do đưa vào danh mục		Thời gian thực hiện	Đề xuất xử lý
			Hệ thống xử lý nước thải	Lò đốt rác y tế nguy hại		
01	Bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang	Phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Hoạt động quá tải gấp 03 lần.	- Hư hỏng thường xuyên (cứ 2 tháng/ sửa chữa);	2013-2014	- Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/10/2011
02	Bệnh viện Đa khoa thành phố Long Xuyên	Phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Kết quả nước thải đầu ra vượt quy chuẩn môi trường (theo kết quả giám sát môi trường định kỳ)	- Không có	2013-2014	- Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/10/2011
03	Bệnh viện Đa khoa thị xã Tân Châu	Phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Hoạt động quá tải gấp 03 lần.	- Lò đốt hư hỏng, xuống cấp; 1 buồng đốt bị hư;	2013-2014	- Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/10/2011
04	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Tân	Thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Hoạt động quá tải gấp 02 lần.	- Lò đốt đang hoạt động tốt (công suất thiết kế 20-30kg/h)	2013-2014	- Căn đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải

05	Bệnh viện Đa khoa huyện Thoại Sơn	Xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Hoạt động quá tải gấp 02 lần.	- Xây dựng năm 2007, thường xuyên hư hỏng; - Công suất thiết kế 18kg/h, với 1 buồng đốt	2013-2014	- Cần đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải - Đầu tư hoặc nâng cấp lò đốt rác y tế nguy hại
06	Bệnh viện Đa khoa huyện Chợ Mới	Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Hoạt động quá tải gấp 1,8 lần.	- Xây dựng năm 2007, thường xuyên hư hỏng; - Công suất thiết kế 18kg/h, với 1 buồng đốt	2013-2014	- Cần đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải - Đầu tư hoặc nâng cấp lò đốt rác y tế nguy hại
07	Bệnh viện Đa khoa huyện An Phú	Thị trấn An Phú, huyện An Phú	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Hoạt động quá tải gấp 2,5 lần.	- Công suất thiết kế 20kg/h; - Thường xuyên bị hư hỏng buồng đốt thứ cấp.	2013-2014	- Cần đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải - Đầu tư hoặc nâng cấp lò đốt rác y tế nguy hại
08	Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành	Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành	- Không có	- Không có	2013-2014	- Cần đầu tư mới hệ thống xử lý nước thải - Đầu tư mới lò đốt rác y tế nguy hại
09	Bệnh viện tim mạch An Giang	Phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên	- Hệ thống xử lý nước thải xuống cấp - Hoạt động quá tải gấp 02 lần.	- Không có	2013-2014	- Cần đầu tư mới hệ thống xử lý nước thải - Đầu tư mới lò đốt rác y tế nguy hại

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo
Hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009 về việc sửa đổi các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 và Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 04 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách Nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích;

Căn cứ Quyết định 52/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân cấp quyết định đầu tư và quy định về đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số: 733/TT-KHĐT-CH ngày 08 tháng 10 năm 2012 của sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang

3. Đơn vị lập dự án: Công ty Cổ phần BVA-Hà Nội.

4. Địa điểm xây dựng: Xây dựng và lắp đặt trong khuôn viên của Bệnh viện

5. Sự cần thiết phải đầu tư:

Trong những năm qua, hệ thống các bệnh viện của tỉnh An Giang được đầu tư, nâng cấp cải tạo và mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn vốn Trái phiếu chính phủ, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa đã cơ bản đáp ứng về nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân;

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống xử lý chất thải tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo công nghệ cũ, đã xuống cấp nên chất lượng chất thải thông qua xử lý không đạt tiêu chuẩn, đã thải ra bên ngoài gây ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân. Mặt khác hệ thống xử lý công suất nhỏ không xử lý hết lượng nước thải ngày càng tăng của bệnh viện;

Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang là hết sức cần thiết và cấp bách, nhưng kinh phí đầu tư lớn trong điều kiện ngân sách tỉnh còn hạn chế nên việc đầu tư hệ thống xử lý chất thải tại các cơ sở y tế gặp nhiều khó khăn.

6. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng, Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và lò đốt rác thải y tế nhằm mục đích xử lý toàn bộ lượng rác thải và nước thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang, góp phần bảo vệ môi trường cho các bệnh viện tuyến huyện cũng như dân cư trong khu vực.

7. Nội dung và quy mô đầu tư

STT	Tên cơ sở y tế	Hệ thống xử lý Nước thải (m ³ /ngày.đêm)	Lò đốt rác Công suất(kg/ngày)
1	Bệnh viện Đa khoa huyện Chợ Mới	150	160-200
2	Bệnh viện Đa khoa huyện An Phú	150	160-200
3	Bệnh viện Đa khoa Tp.Long Xuyên	100	160-200
4	Bệnh viện Đa khoa huyện Thoại Sơn	150	160-200
5	Bệnh viện đa khoa huyện Châu Thành	150	160-200
6	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Tân	200	160-200
7	Bệnh viện đa khoa Thị xã Tân Châu	250	160-200
8	Bệnh viện Tim Mạch An Giang	100	160-200

8. Thiết bị công nghệ

- Công nghệ xử lý nước thải: AAO (gồm các quá trình xử lý yếm khí - thiếu khí - hiếu khí) sử dụng màng lọc hoặc đệm vi sinh lưu động.

- Công nghệ xử lý rác thải: Lò đốt rác hai buồng công nghệ cao.

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV

10. Tổng mức đầu tư (sau thuế): 107.800.000.000 đồng.

I	Chi phí xây dựng	16.310.687.000
II	Chi phí thiết bị	71.150.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	1.306.391.301
IV	Chi phí tư vấn	1.398.013.190
V	Chi phí khác	534.324.311
VI	Chi phí Dự phòng	9.769.941.580
	Chi phí kiểm toán	196.674.637
	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	141.863.673
	Tổng mức đầu tư (Làm tròn)	107.800.000.000

11. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác: 50%
- Hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp môi trường của trung ương: 50%

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2012-2014.**14. Hiệu quả kinh tế - xã hội của công trình:**

- Về mặt môi trường: công trình sau khi hoàn thành sẽ giải quyết được vấn đề cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường trong khuôn viên các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang nói riêng, và toàn tỉnh An Giang nói chung.

- Về mặt xã hội: công trình hoàn thành sẽ góp phần hạn chế các loại bệnh tật phát sinh từ những vi khuẩn, vi trùng phát sinh từ bãi rác thải y tế; làm giảm các bệnh liên quan về hô hấp do ô nhiễm không khí liên qua rác thải y tế, góp phần tạo điều kiện môi trường Bệnh viện được trong sạch hơn.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung dự án theo đúng Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc sở Xây dựng, Giám đốc sở Tài chính, Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các sở ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Sở TN&MT;
- Sở Y tế;
- Kho bạc NN tỉnh;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Anh Kiệt

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Hệ thống xử lý chất thải y tế Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009 về việc sửa đổi các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 và Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 04 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách Nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích;

Căn cứ Quyết định 52/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân cấp quyết định đầu tư và quy định về đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số: 732/TT-KHĐT-CH ngày 08 tháng 10 năm 2012 của sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Hệ thống xử lý chất thải y tế Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang.

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang

3. Đơn vị lập dự án: Công ty Cổ phần BVA-Hà Nội.

4. Địa điểm xây dựng: Xây dựng và lắp đặt trong khuôn viên của Bệnh viện

5. Sự cần thiết phải đầu tư:

Trong những năm qua, hệ thống các bệnh viện của tỉnh An Giang được đầu tư, nâng cấp cải tạo và mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn vốn Trái phiếu chính phủ, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa đã cơ bản đáp ứng về nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân;

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống xử lý chất thải tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang theo công nghệ cũ, đã xuống cấp nên chất lượng chất thải thông qua xử lý không đạt tiêu chuẩn, đã thải ra bên ngoài gây ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân. Mặt khác hệ thống xử lý công suất nhỏ không xử lý hết lượng nước thải ngày càng tăng của bệnh viện;

Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang là hết sức cần thiết và cấp bách, nhưng kinh phí đầu tư lớn trong điều kiện ngân sách tỉnh còn hạn chế nên việc đầu tư hệ thống xử lý chất thải tại các cơ sở y tế gặp nhiều khó khăn.

6. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng, Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và lò đốt rác thải y tế nhằm mục đích xử lý toàn bộ lượng rác thải và nước thải y tế của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang góp phần bảo vệ môi trường cho các bệnh viện tuyến huyện cũng như dân cư trong khu vực.

7. Nội dung và quy mô đầu tư

- Hệ thống xử lý Nước thải 150 m³/ngày.đêm

- Lò đốt rác Công suất 400-560 kg/ngày

8. Thiết bị công nghệ

- Công nghệ xử lý nước thải: AAO (gồm các quá trình xử lý yếm khí – thiếu khí – hiếu khí) sử dụng màng lọc hoặc đệm vi sinh lưu động.

- Công nghệ xử lý rác thải: Lò đốt rác hai buồng công nghệ cao.

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV

10. Tổng mức đầu tư (sau thuế): 71.500.000.000 VNĐ

STT	Chi phí	Thành tiền (VNĐ)
I	Chi phí xây dựng	6.459.346.000
II	Chi phí thiết bị	56.200.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	981.245.358
IV	Chi phí tư vấn	900.489.441
V	Chi phí khác	222.972.111
VI	Chi phí Dự phòng	6.476.405.291

	Chi phí kiểm toán	158.870.249
	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	109.000.664
	Tổng cộng	71.508.329.115
	Tổng mức đầu tư (Làm tròn)	71.500.000.000

11. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác: 50%
- Hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp môi trường của trung ương: 50%

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2012-2014.**14. Hiệu quả kinh tế - xã hội của công trình:**

- Về mặt môi trường: công trình sau khi hoàn thành sẽ giải quyết được vấn đề cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang nói riêng, và toàn tỉnh An Giang nói chung.

- Về mặt xã hội: công trình hoàn thành sẽ góp phần hạn chế các loại bệnh tật phát sinh từ những vi khuẩn, vi trùng phát sinh từ bãi rác thải y tế; làm giảm các bệnh liên quan về hô hấp do ô nhiễm không khí liên qua rác thải y tế, góp phần tạo điều kiện môi trường Bệnh viện được trong sạch hơn.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung dự án theo đúng Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang và thủ trưởng các sở ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *hc*

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Sở TN&MT;
- Sở Y tế;
- Kho bạc NN tỉnh;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

hc
Võ Anh Kiệt

TỜ TRÌNH

Về việc xin cấp vốn thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo
Hệ thống xử lý chất thải y tế Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Trong những năm qua, hệ thống các cơ sở y tế của tỉnh An Giang được đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa đã cơ bản đáp ứng về nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân.

Tuy nhiên, do nguồn vốn có hạn, nên chưa được đầu tư mới các hệ thống xử lý này mà còn tận dụng hiện trạng cũ. Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở y tế chưa có các hệ thống xử lý nước thải y tế hoặc có nhưng đã xuống cấp không đạt yêu cầu, nước thải y tế phát sinh từ các cơ sở y tế là mầm mống lan truyền vi khuẩn, vi trùng và các bệnh truyền nhiễm khác ra môi trường bên ngoài, ảnh hưởng tới đời sống và sức khỏe của nhân dân.

Hiện tại hệ thống xử lý chất thải tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang đã xuống cấp và đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho bệnh viện cũng như khu vực dân cư xung quanh. Tỉnh An Giang đang chỉ đạo ngành Sở Tài nguyên Môi trường lập dự án để đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho bệnh viện trên với các nội dung như sau (xin gửi kèm theo tờ trình này là hồ sơ dự án đầu tư):

1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang;

- 1. Chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang
- 2. Đơn vị lập dự án:** Công ty Cổ phần BVA-Hà Nội.
- 3. Địa điểm xây dựng:** Xây dựng và lắp đặt trong khuôn viên của Bệnh viện
- 4. Chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang

5. Đơn vị lập dự án: Công ty Cổ phần BVA-Hà Nội.

6. Địa điểm xây dựng: Xây dựng và lắp đặt trong khuôn viên của Bệnh viện

7. Mục tiêu đầu tư

Xây dựng, Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và lò đốt rác thải y tế nhằm mục đích xử lý toàn bộ lượng rác thải và nước thải y tế của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang góp phần bảo vệ môi trường cho các bệnh viện tuyến huyện cũng như dân cư trong khu vực.

8. Nội dung và quy mô đầu tư

STT	Tên cơ sở y tế	Hệ thống xử lý Nước thải (m ³ /ngày.đêm)	Lò đốt rác Công suất(kg/ngày)
1	Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	150 1000	400-560

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV

10. Thiết bị công nghệ

- Công nghệ xử lý nước thải: AAO (gồm các quá trình xử lý yếm khí – thiếu khí – hiếu khí) sử dụng màng lọc hoặc đệm vi sinh lưu động.
- Công nghệ xử lý rác thải: Lò đốt rác hai buồng công nghệ cao.

11. Tổng mức đầu tư (sau thuế): 71.500.000.000 VNĐ

STT	Chi phí	Thành tiền (VNĐ)
I	Chi phí xây dựng	6.459.346.000
II	Chi phí thiết bị	56.200.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	981.245.358
IV	Chi phí tư vấn	900.489.441
V	Chi phí khác	222.972.111
VI	Chi phí Dự phòng	6.476.405.291
	Chi phí kiểm toán	158.870.249
	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	109.000.664
	Tổng cộng	71.508.329.115

	Tổng mức đầu tư (Làm tròn)	71.500.000.000
--	-----------------------------------	-----------------------

Việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế là hết sức cần thiết và cấp bách, nhưng kinh phí đầu tư lớn, trong khi điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn chế, nên việc triển khai xây dựng các hệ thống xử lý nước thải y tế trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn.

Căn cứ quyết định số 58/208/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách Nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích.

Để có đủ nguồn vốn thực hiện dự án trên, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính đề nghị Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét hỗ trợ 50% kinh phí từ ngân sách sự nghiệp môi trường Trung ương. Tỉnh cam kết bố trí 50% kinh phí còn lại từ nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Kính mong Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, Y tế, TN&MT;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- CV: VHXH;
- Lưu VT, XDCB.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Anh Kiệt

TỜ TRÌNH

Về việc xin cấp vốn Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo
Hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Trong những năm qua, hệ thống các cơ sở y tế của tỉnh An Giang được đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa đã cơ bản đáp ứng về nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân.

Tuy nhiên, do nguồn vốn có hạn nên chưa được đầu tư mới hệ thống xử lý mà còn tận dụng hiện trạng cũ. Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở y tế chưa có các hệ thống xử lý nước thải y tế hoặc có nhưng đã xuống cấp không đạt yêu cầu, nước thải y tế phát sinh từ các cơ sở y tế là mầm mống lan truyền vi khuẩn, vi trùng và các bệnh truyền nhiễm khác ra môi trường bên ngoài, ảnh hưởng tới đời sống và sức khỏe của nhân dân.

Hiện tại hệ thống xử lý chất thải tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang đã xuống cấp và đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho bệnh viện cũng như khu vực dân cư xung quanh. Tỉnh An Giang đang chỉ đạo ngành Sở Tài nguyên Môi trường lập dự án để đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế này với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang

3. Đơn vị lập dự án: Công ty Cổ phần BVA-Hà Nội.

4. Địa điểm xây dựng: Xây dựng và lắp đặt trong khuôn viên của Bệnh viện

5. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng, Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và lò đốt rác thải y tế nhằm mục đích xử lý toàn bộ lượng rác thải và nước thải y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang góp phần bảo vệ môi trường cho các bệnh viện tuyến huyện cũng như dân cư trong khu vực.

6. Nội dung và quy mô đầu tư

STT	Tên cơ sở y tế	Hệ thống xử lý Nước thải (m ³ /ngày.đêm)	Lò đốt rác Công suất(kg/ngày)
1	Bệnh viện Đa khoa huyện Chợ Mới	150	160-200
2	Bệnh viện Đa khoa huyện An Phú	150	160-200
3	Bệnh viện Đa khoa Tp.Long Xuyên	100	160-200
4	Bệnh viện Đa khoa huyện Thoại Sơn	150	160-200
5	Bệnh viện đa khoa huyện Châu Thành	150	160-200
6	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Tân	200	160-200
7	Bệnh viện đa khoa Thị xã Tân Châu	250	160-200
8	Bệnh viện Tim Mạch An Giang	100	160-200

7. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV

8. Thiết bị công nghệ

Công nghệ xử lý nước thải: AAO (gồm các quá trình xử lý yếm khí – thiếu khí – hiếu khí) sử dụng màng lọc hoặc đệm vi sinh lưu động.

Công nghệ xử lý rác thải: Lò đốt rác hai buồng công nghệ cao.

9. Tổng mức đầu tư (sau thuế): 107.800.000.000 đồng.

(Bảng chữ: Một trăm linh bảy tỷ tám trăm triệu đồng chẵn)

STT	Chi phí	Thành tiền (VNĐ)
I	Chi phí xây dựng	16.310.687.000
II	Chi phí thiết bị	71.150.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	1.306.391.301
IV	Chi phí tư vấn	1.398.013.190
V	Chi phí khác	534.324.311
VI	Chi phí Dự phòng	9.769.941.580
	Chi phí kiểm toán	196.674.637
	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	141.863.673
	Tổng mức đầu tư (Làm tròn)	107.800.000.000

Việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế là hết sức cần thiết và cấp bách, nhưng kinh phí đầu tư lớn, trong khi điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn chế,

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2038/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế
giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 với các nội dung chính sau:

1. Mục tiêu chung

Xử lý các yếu tố nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường của chất thải phát sinh từ các cơ sở y tế để bảo vệ sức khỏe cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh và cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

a) Đối với nước thải:

- 100% các cơ sở y tế tuyến Trung ương, 70% các cơ sở y tế tuyến tỉnh, 50% các cơ sở y tế tuyến huyện và 100% các cơ sở y tế tư nhân thực hiện xử lý nước thải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Trong đó đến

hết năm 2012, 100% các cơ sở y tế gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện xử lý nước thải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- 30% các cơ sở y tế còn lại ở tuyến tỉnh, 50% các cơ sở y tế còn lại ở tuyến huyện và 100% các trạm y tế, nước thải nguy hại tại các cơ sở này được xử lý ban đầu trước khi thải ra môi trường.

b) Đối với chất thải rắn:

- 100% các cơ sở y tế tuyến Trung ương và tuyến tỉnh, 70% các cơ sở y tế tuyến huyện và 100% các cơ sở y tế tư nhân thực hiện xử lý chất thải rắn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Trong đó đến hết năm 2012, 100% các cơ sở y tế gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện xử lý chất thải rắn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- 30% các cơ sở y tế còn lại ở tuyến huyện và 100% các trạm y tế, chất thải rắn nguy hại tại các cơ sở này được xử lý ban đầu trước khi thải ra môi trường.

c) Đối với khí thải:

100% các cơ sở y tế có khí thải nguy hại thực hiện xử lý khí thải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

3. Định hướng đến năm 2020

Đảm bảo 100% các cơ sở y tế ở các tuyến từ Trung ương đến địa phương thực hiện xử lý chất thải y tế bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

4. Nhiệm vụ giai đoạn 2011 - 2015

a) Đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế nhằm khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở y tế ở Trung ương và địa phương, cụ thể:

- Đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg chưa thực hiện xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường, phải tiến hành ngay các giải pháp cấp bách xử lý chất thải y tế đối với cả nước thải, chất thải rắn và khí thải để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2012;

- Đối với các cơ sở y tế có hệ thống xử lý chất thải y tế nhưng đã xuống cấp hoặc quá tải, phải có kế hoạch nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế đối với cả nước thải, chất thải rắn và khí thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Đối với các cơ sở y tế đã xây dựng cơ sở vật chất nhưng chưa được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế, phải lập dự án đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế đối với cả nước thải, chất thải rắn và khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Đối với các cơ sở y tế mới xây dựng, khi tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phải thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động môi trường, quy trình thẩm định đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải y tế đối với cả nước thải, chất thải rắn và khí thải;

- Không cấp phép hoạt động đối với các cơ sở y tế lần đầu tiên đi vào sử dụng mà hệ thống xử lý chất thải y tế đối với cả nước thải, chất thải rắn và khí thải thậm chí chưa bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Tăng cường năng lực quan trắc, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại các cơ sở y tế làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch, từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở y tế.

c) Nghiên cứu khoa học về xử lý chất thải y tế:

- Nghiên cứu thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải y tế phù hợp với các loại hình cơ sở y tế, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thân thiện với môi trường;

- Nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu phát sinh và tái chế chất thải y tế;

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của chất thải y tế đối với môi trường và sức khỏe con người;

d) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án, đề án sau:

- Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho các cơ sở y tế công lập bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại;

- Dự án Tăng cường năng lực của các cơ quan chuyên môn của ngành Y tế về quan trắc môi trường và đánh giá tác động của môi trường tới sức khỏe;

- Đề án Nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường ứng dụng và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải y tế tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam.

5. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tổ chức quản lý và cơ chế, chính sách:

- Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải y tế. Trong đó cần lưu ý tập trung xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý và xử lý chất thải y tế, các hướng dẫn kỹ thuật, các cơ chế xã hội hóa nhằm thu hút, tăng cường đầu tư cho quản lý chất thải y tế;

- Kiến toàn hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện công tác quản lý môi trường y tế từ Trung ương đến địa phương;

- Thực hiện lồng ghép việc triển khai các nhiệm vụ quản lý chất thải y tế vào các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

b) Giải pháp về đầu tư, tài chính:

- Nguồn vốn thực hiện Đề án, bao gồm:

+ Ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA) theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành; vốn trái phiếu Chính phủ (đối với các dự án đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ);

+ Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo quy định hiện hành;

+ Vốn tự có của đơn vị: Từ các nguồn thu phí, viện phí và từ các nguồn thu hợp pháp khác;

+ Vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hình thức xã hội hóa: Theo hình thức đầu tư tài trợ trực tiếp cho các dự án thông qua nguồn vốn hoặc đầu tư theo hình thức xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT) để xử lý chất thải y tế;

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Trách nhiệm và phạm vi đầu tư kinh phí:

+ Kinh phí đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế:

Đối với cơ sở y tế công lập: Nhà nước bảo đảm kinh phí xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế bằng các đề án, dự án cụ thể theo hình thức xử lý tại chỗ, theo cụm hoặc tập trung tùy thuộc vào quy mô công nghệ và tính chất đặc thù. Việc đầu tư kinh phí đối với các cơ sở y tế gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011.

Đối với các cơ sở y tế ngoài công lập, chủ cơ sở tự bỏ trí kinh phí để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế đối với cả nước thải, khí thải và chất thải rắn của cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà nước có chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế theo hình thức tập trung.

+ Kinh phí cho hoạt động xây dựng thể chế chính sách, quan trắc đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, đào tạo và nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý môi trường y tế do Nhà nước bảo đảm và được giao trên cơ sở các nhiệm vụ, dự án và nguồn kinh phí sự nghiệp của các đơn vị.

c) Giải pháp về khoa học và công nghệ:

- Nghiên cứu, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải y tế theo định hướng áp dụng công nghệ mới bảo đảm tinh thân thiện với môi trường trên cơ sở khối lượng, thành phần của chất thải phát sinh, điều kiện mặt bằng xây dựng, phù hợp với khả năng tài chính của cơ sở y tế và đảm bảo quy chuẩn quốc gia về môi trường, cụ thể:

+ Xử lý nước thải: Thực hiện theo hình thức thu gom và xử lý tại chỗ; đối với một số cơ sở y tế được xây dựng theo mô hình hợp khối hoặc gần nhau, có thể thực hiện theo hình thức xử lý tập trung của các đơn vị này;

+ Xử lý chất thải rắn: Đối với các thành phố, các khu đô thị lớn, ưu tiên lựa chọn mô hình xử lý tập trung. Đối với các cơ sở y tế có khoảng cách gần nhau, có thể lựa chọn mô hình xử lý theo cụm. Đối với các cơ sở y tế không có điều kiện vận chuyển chất thải rắn y tế đến các khu xử lý tập trung hoặc xử lý theo cụm, lựa chọn theo hướng xử lý tại chỗ;

+ Xử lý khí thải: Thực hiện theo hình thức xử lý tại chỗ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý dữ liệu về chất thải y tế;

- Tăng cường nghiên cứu áp dụng công nghệ mới nhằm giảm thiểu sự phát sinh và tái chế sử dụng chất thải y tế;

- Xây dựng các hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá tác động của chất thải y tế đối với môi trường và sức khoẻ;

- Gắn kết chặt chẽ các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu, trường đại học và các cơ sở y tế.

đ) Giải pháp về hợp tác quốc tế

Tăng cường việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm học tập, trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải y tế.

đ) Giải pháp về thông tin, giáo dục, truyền thông:

- Xây dựng chương trình, tài liệu, tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ và nhân viên y tế về quản lý chất thải y tế;

- Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và cộng đồng về việc quản lý chất thải tại các cơ sở y tế.

6. Kinh phí thực hiện Đề án

Kinh phí thực hiện Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 - 2015 được xác định trên cơ sở phê duyệt các dự án, đề án nêu tại Điểm d, Khoản 4, Điều 1 của Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ của Đề án;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc tổ chức thực hiện Đề án;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để xây dựng cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải y tế;

d) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xử lý chất thải tại các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế;

đ) Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Đề án theo đúng tiến độ và quy định hiện hành;

e) Hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bố trí kinh phí chi đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Đề án.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Cân đối ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các dự án trong Đề án.

c) Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra giám sát về tài chính trong quá trình thực hiện Đề án.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường y tế;

b) Phối hợp với Bộ Y tế trong việc tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ liên quan trong Đề án.

5. Bộ Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu ứng dụng, xây dựng mô hình, công nghệ xử lý chất thải y tế thân thiện với môi trường và phù hợp với hoàn cảnh của các đơn vị y tế;

b) Phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường y tế.

7. Bộ Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiện toàn hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện công tác quản lý chất thải y tế từ Trung ương đến địa phương.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chi đạo và triển khai thực hiện việc xử lý chất thải y tế thuộc địa bàn quản lý;

b) Ưu tiên bố trí ngân sách cho các cơ sở y tế trên địa bàn bảo đảm đủ kinh phí xử lý chất thải y tế;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ kiểm tra chất lượng môi trường tại khu vực có các cơ sở y tế thuộc địa bàn quản lý.

9. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Y tế chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc xử lý chất thải y tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình và các dự án được phân công tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐỂ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN TỔNG THỂ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Dự án/nhóm dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
1	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho các cơ sở y tế công lập bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan	2011 - 2015	Ngân sách nhà nước, vốn của Đơn vị, vốn hợp pháp khác
2	Đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại.	Bộ Xây dựng	Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan	2011	Ngân sách nhà nước, vốn hợp pháp khác
3	Dự án Tăng cường năng lực của các cơ quan chuyên môn của ngành Y tế về quan trắc môi trường và đánh giá tác động của môi trường tới sức khỏe.	Bộ Y tế	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan	2011 - 2015	Ngân sách nhà nước, vốn của Đơn vị, vốn hợp pháp khác
4	Đề án Nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường ứng dụng và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải y tế tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan	2011 - 2015	Ngân sách nhà nước, vốn hợp pháp khác

**THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ**

Số: 58/2008/QĐ-TTg

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý
triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối
tượng thuộc khu vực công ích**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm
môi trường nghiêm trọng”;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước cho một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích (sau đây gọi tắt là cơ sở) để triển khai, thực hiện các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường (sau đây gọi tắt là dự án).

2. Quy định việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí trên đây áp dụng cho các cơ sở thuộc khu vực công ích có tên tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng” và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khác thuộc khu vực công ích mới phát sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và quyết định biện pháp xử lý, bao gồm:

- a) Kho thuốc bảo vệ thực vật;
- b) Bệnh viện;
- c) Bãi rác;
- d) Điểm tồn lưu chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh;
- đ) Trạm xử lý nước thải sinh hoạt đô thị.

Điều 2. Điều kiện hỗ trợ

Các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường của các cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này sẽ được xem xét, hỗ trợ khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật và được đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm.
2. Chưa có kinh phí thực hiện hoặc đã được bố trí nhưng chưa đủ để thực hiện dự án.
3. Dự án phải bao gồm một trong các nội dung sau: xử lý tiêu huỷ thuốc bảo vệ thực vật đã quá hạn sử dụng hoặc bị cấm lưu hành, bao bì thuốc bảo vệ thực vật; xử lý, phục hồi môi trường đất; xử lý ô nhiễm tồn lưu chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh; xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế trong các bệnh viện; xử lý không chế ô nhiễm bãi rác, xử lý rác thải, nước thải bãi rác, đóng cửa, phục hồi môi trường bãi rác, cải tạo, nâng cấp bãi rác; xử lý nước thải sinh hoạt đô thị.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách trung ương đối với các dự án do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý.
2. Hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách địa phương đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách trung ương sẽ được ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu kinh phí cho địa phương bằng 50% tổng kinh phí của dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường để thực hiện, ngân sách địa phương chịu trách nhiệm hỗ trợ 50%.
3. Việc xác định nguồn kinh phí căn cứ theo tính chất và nội dung chi cụ thể của từng dự án.

Điều 4. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Kinh phí sự nghiệp môi trường của trung ương và địa phương.
2. Vốn đầu tư phát triển.
3. Vốn vay ODA.
4. Vốn vay từ các tổ chức tín dụng.
5. Vốn viện trợ.
6. Vốn vay từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ Bảo vệ môi trường ngành và Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương.
7. Vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 5. Phê duyệt hỗ trợ

1. Hàng năm, căn cứ vào các quy định của Quyết định này, cơ quan chủ quản của cơ sở tiến hành xây dựng dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt nội dung dự án và quyết định mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách địa phương đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; gửi dự án và đề xuất kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính để tổng hợp;

b) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt nội dung dự án do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý; gửi dự án và đề xuất kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính để tổng hợp;

c) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất mức kinh phí hỗ trợ cụ thể đối với các dự án do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý; mức kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương đối với các dự án do địa phương quản lý; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 7 hàng năm để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Quyết định phê duyệt nội dung dự án phải ghi rõ nguồn kinh phí thực hiện, bao gồm: kinh phí của Bộ, ngành; kinh phí của địa phương; kinh phí đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương (nếu có).

Điều 6. Cơ chế quản lý và thời gian thực hiện

1. Cơ chế quản lý:

a) Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm (ghi thành mục riêng);

b) Cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng công trình xử lý chất thải của các dự án thực hiện theo cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Thời gian thực hiện: từ năm 2008 đến năm 2012.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Quyết định này;

b) Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ có mục tiêu theo quy định tại Quyết định này; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình bố trí kinh phí và kết quả triển khai, thực hiện các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, báo cáo Thủ tướng Chính phủ những khó khăn, vướng mắc (nếu có) để có sự bổ sung, điều chỉnh kịp thời;

c) Hỗ trợ cho vay với lãi suất ưu đãi, tài trợ từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với các dự án đã được phê duyệt kinh phí hỗ trợ có mục tiêu để triển khai thực hiện;

d) Hướng dẫn việc lập và quyết định danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phát sinh cần phải xử lý.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí kế hoạch vốn từ ngân sách trung ương cho các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bộ Tài chính cân đối, phân bổ kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý lập dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, lập dự toán của các dự án, tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 6 hàng năm để tổng hợp kế hoạch;

b) Ghi vốn trong kế hoạch ngân sách hàng năm của Bộ, ngành và địa phương cho các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường được ngân sách nhà nước hỗ trợ có mục tiêu theo quy định của Quyết định này;

c) Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả triển khai các dự án;

d) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình bố trí kinh phí, kết quả sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu và kết quả triển khai các dự án theo quy định của Quyết định này, đề xuất phương án xử lý những khó khăn, vướng mắc (nếu có) để Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KI. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG
(Đã ký)

Hoàng Trung Hải

11. ハウザン省の資料

Phần 1: Trả lời câu hỏi của công ty Aikawa Asia Business Consultants.

1. Hiện trạng và khó khăn thách thức trong việc xử lý chất thải công nghiệp và y tế tại địa phương

- Hiện trạng phát sinh

Lượng phát sinh chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại có thể sử dụng phương pháp đốt khoảng 06 tấn/ngày (chất thải y tế nguy hại khoảng 01 tấn/ngày).

- Hiện trạng xử lý và khó khăn thách thức

Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có công nghệ xử lý chất thải công nghiệp cũng như không có đơn vị chuyên trách xử lý chất thải công nghiệp do đó các cơ sở phát sinh chất thải công nghiệp hiện nay hầu hết thuê công ty công trình đô thị thu gom và xử lý chung với chất thải sinh hoạt tại các bãi rác.

Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất, kinh doanh thì hiện tại khu vực ĐBSCL có rất ít các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, vì vậy các doanh nghiệp của Hậu Giang nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung hiện đang lưu trữ trong kho và chưa hợp đồng xử lý. Vì vậy các doanh nghiệp đang rất khó khăn trong vấn đề xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại các nhà máy.

Đối với chất thải y tế nguy hại: Hiện trên địa bàn tỉnh các bệnh viện đều có lò đốt chất thải y tế. Tuy nhiên các lò đốt chất thải y tế của các bệnh viện này chưa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và các bệnh viện này cũng chưa được cấp phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại. Các trung tâm y tế dự phòng và phòng khám khu vực cũng như các phòng khám tư nhân thì tiêu hủy bằng cách đốt thủ công, không đảm bảo các điều kiện về vệ sinh môi trường.

Nhìn chung khó khăn hiện tại của địa phương trong công tác xử lý chất thải là việc đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ cho xử lý môi trường.

2. Kế hoạch cải thiện và phương châm xử lý chất thải công nghiệp và y tế của địa phương

- Phương châm xử lý chất thải: Xử lý triệt để đảm bảo hiệu quả với công nghệ thân thiện môi trường.

- Kế hoạch cải thiện:

Khối lượng chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh ngày càng gia tăng. Các bãi rác hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý môi trường. Tình trạng gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng vẫn chưa được cải thiện. Do đó trong thời gian tới Sở Tài nguyên và môi trường tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến ý thức bảo vệ môi trường và tập trung công tác cải thiện ô nhiễm môi trường và ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất. Tích cực tìm kiếm các nguồn kinh phí từ các nhà tài trợ trong và ngoài nước để xây dựng các lò đốt chất thải công nghiệp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại các Khu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đối với chất thải nguy hại: Hiện nay hầu hết các cơ sở sản xuất còn đang lưu giữ chất thải nguy hại trong kho mà chưa thuê được đơn vị có chức năng xử

lý do các công ty xử lý chủ yếu trên thành phố Hồ Chí Minh nên việc thu gom của từng cơ sở sẽ khó khăn và chi phí rất cao. Do đó nhiệm vụ trước mắt là phối hợp với Tổng cục môi trường và các địa phương trong vùng thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất kế hoạch xây dựng mạng lưới các trạm trung chuyển chất thải nguy hại cho vùng ĐBSCL đến năm 2020” tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

Đối với chất thải y tế:

Năm 2013 Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, thống kê chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động y tế và đề xuất các biện pháp quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”. Từ đó tranh thủ nguồn viện trợ từ các nhà tài trợ trong và ngoài nước hỗ trợ kinh phí đầu tư cải tạo hoặc đầu tư mới lò đốt chất thải y tế chưa đảm bảo hiệu quả xử lý đúng quy trình kỹ thuật yêu cầu.

3. Những kỳ vọng đối với nhà nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Trong thời gian qua địa phương đã được các bộ ngành trung ương đặc biệt là Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm hỗ trợ kinh phí thực hiện Chiến lược xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Tuy nhiên do điều kiện của tỉnh của còn khó khăn nên nguồn kinh phí hỗ trợ trong thời gian qua vẫn chưa giải quyết triệt để được những yêu cầu cấp bách về xử lý môi trường do đó trong thời gian tới địa phương rất mong tiếp tục được sự quan tâm của các cấp ngành trung ương để xem xét hỗ trợ kinh phí đầu tư xử lý chất thải công nghiệp và chất thải y tế trong đó có sự hỗ trợ từ các dự án ODA.

Phần 2: Tư liệu liên quan đến vấn đề xử lý chất thải công nghiệp

1. Khối lượng chất thải trước đây (cụ thể từng khu vực)

Trong năm 2011 tổng lượng chất thải rắn tại các KCN khoảng 20.830 tấn, trong đó Khu công nghiệp sông Hậu khoảng 13.290 tấn, KCN Tân Phú Thạnh 7.540 tấn.

2. Số lượng công ty xử lý

Hiện trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 công ty CP Cấp thoát nước công trình đô thị thu gom chất thải công nghiệp chung với chất thải sinh hoạt và chở đến bãi rác của địa phương.

3. Tỷ lệ dùng phương pháp đốt

Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện nay không đầu tư lò đốt chất thải công nghiệp do chi phí tương đối cao. Do đó các cơ sở hợp đồng với Công ty CP cấp thoát nước thu gom và xử lý đối với chất thải thông thường. Đối với chất thải nguy hại thì lưu giữ trong kho chưa có biện pháp xử lý.

4. Chi phí xử lý

Do hợp đồng với Cty CP cấp thoát nước nên mọi chi phí về nhân công, nhiên liệu đều do Công ty CP CTN chi trả.

Phần 3: Tư liệu liên quan đến vấn đề xử lý chất thải y tế

1. Số bệnh viện

Theo số liệu thống kê năm 2011 trên địa bàn tỉnh có 72 cơ sở y tế bao gồm 9 bệnh viện, 8 phòng khám đa khoa khu vực, 1 trung tâm phòng chống bệnh xã hội. và 74 trạm y tế xã, phường.

2. Số bệnh viện tự xử lý chất thải y tế

Các bệnh viện đều tự xử lý chất thải y tế bằng các lò đốt hoặc đốt thủ công.

3. Số lượng công ty xử lý bên ngoài

Hiện không có công ty xử lý bên ngoài được hợp đồng xử lý chất thải y tế của các bệnh viện.

4. Tỷ lệ dùng phương pháp đốt, chôn lấp

100% bệnh viện đều sử dụng phương pháp đốt.

5. Chi phí xử lý

Chưa khái toán.

12. ソクチャン省の資料
受領資料①

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

Số: 419/BC.SYT

V/v báo cáo thực trạng tình
hình quản lý chất thải y tế
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 12 năm 2012

Kính gửi:

- Văn phòng Bộ Y tế;
- Vụ Kế hoạch – Tài chính,
- Cục Quản lý môi trường,
- Ban QLDA hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện, Bộ Y tế.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Sóc Trăng là một tỉnh ven biển thuộc đồng bằng sông Cửu Long, mạng lưới các cơ sở y tế của tỉnh được xây dựng từ tỉnh đến huyện và xã/phường/thị trấn với các trang thiết bị tương đối cơ bản phục vụ cho sức khỏe của nhân dân. Nhưng hệ thống xử lý chất thải y tế chưa được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn.

Theo báo cáo và thống kê của ngành y tế, hiện nay tình hình xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và xã trên toàn địa bàn tỉnh Sóc Trăng cho thấy, lượng nước thải y tế phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh thì chỉ có khoảng 30% là được thu gom xử lý đúng phương pháp, lượng nước thải còn lại thì chủ yếu là thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận, chưa qua xử lý mà chủ yếu tập trung là ở các bệnh viện đa khoa ở tuyến huyện và một số trung tâm y tế tuyến tỉnh. Hiện có khoảng 40% cơ sở y tế tuyến tỉnh và huyện có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đang vận hành. Số cơ sở còn lại thì không có trạm xử lý hoặc có lắp đặt nhưng công suất xử lý không đủ so với nhu cầu thực tế và hiệu quả xử lý theo đánh giá sơ bộ là không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn môi trường.

Đối với chất thải rắn y tế thì lượng rác phát sinh hàng ngày được thu gom tại các cơ sở y tế theo ước tính là khoảng 2.125 kg nhưng xử lý đúng chỉ đạt khoảng 70%. Trong đó, các lò đốt được áp dụng hầu hết đều là công nghệ lạc hậu, đốt bằng phương pháp thủ công hoặc lò đốt không đủ công suất vận hành, phát sinh bụi gây ô nhiễm môi trường.

Chất thải y tế được xếp vào là một trong những chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng môi trường và tình hình sức khỏe của cộng đồng người dân. Nhưng với thực trạng hệ thống xử lý chất thải y tế như đã đề cập trên cho thấy chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng hiện không được thu gom xử lý triệt để, không đảm bảo các điều kiện về an toàn vệ sinh. Vấn đề này đã và đang từng bước gây ô nhiễm nghiêm trọng đến chất lượng môi trường và gây ra những tác động nguy hại đến sức khỏe của người dân.

II. CÁC CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN QUA

1. Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
2. Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg, ngày 16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Ban hành Quy chế quản lý chất thải nguy hại”;
3. Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg, ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng”;
4. Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg, ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”;
5. Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg, ngày 29/04/2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách Nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích;
6. Quyết định số 2038/QĐ-TTg, ngày 15/11/1911 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020;
7. Quyết định số 170/QĐ-TTg, ngày 8/20/1912 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025;
8. Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT, ngày 26/12/2006 về việc “Ban hành Danh mục các chất thải nguy hại”;
9. Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT, ngày 03/07/2007 hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần xử lý;
10. Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT, ngày 30/11/2007 của Bộ Y tế về việc “Ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế”;
11. Công văn số 3519/BVMT, ngày 28/12/2007 của Cục bảo vệ Môi trường về việc đề xuất nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg;
12. Công văn số 78/CTUBND-HC, ngày 16/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phổ biến, nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.
13. Quy chế quản lý chất thải rắn y tế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT, ngày 30/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
14. Các tiêu chuẩn về Môi trường Việt Nam:
 - + TCVN 7382 (2004): Chất lượng nước – Nước thải bệnh viện – Tiêu chuẩn thải.
 - + TCVN 5939 (2005): Chất lượng không khí. Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
 - + TCVN 5945 (2005): Nước thải công nghiệp. Tiêu chuẩn thải

+ TCVN 6560 (2005): Lò đốt chất thải rắn y tế. Khí thải lò đốt chất thải rắn y tế. Giới hạn cho phép.

15. Quyết định số 1211/QĐHC-CTUBND, ngày 29/10/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án xử lý chất thải y tế tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2010- 2012.

III. KẾT QUẢ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

1. Hệ thống xử lý chất thải tại các cơ sở y tế

Stt	Cơ sở y tế	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống xử lý chất thải rắn
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh (**)	Có	Có
2	Bệnh viện 30/4	Có	Có
3	Bệnh viện Quân dân y kết hợp	Có	Có
4	Trung tâm YTDP tỉnh	Có (mới 2010)	Có (mới 2010)
5	Trung tâm PCBXH	Có (mới 2010)	Có (mới 2010)
6	Trung tâm CSSKSS	Không	Không
7	Trung tâm Kiểm nghiệm	Không	Không
8	Trung tâm Y tế thành phố	Không	Không
9	BVĐK huyện Ngã Năm	Có	Có
10	BVĐK huyện Cù Lao Dung (**)	Có	Có
11	BVĐK huyện Vĩnh Châu (**)	Có	Có
12	BVĐK huyện Long Phú (**)	Có	Có
13	BVĐK huyện Mỹ Xuyên	Không	Không
14	BVĐK huyện Mỹ Tú (**)	Có	Có
15	BVĐK huyện Thạnh Trị (**)	Không	Có
16	BVĐK huyện Kế Sách (**)	Có	Có
17	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	Không	Không
18	Trung tâm Y tế huyện Kế Sách	Không	Không
19	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	Không	Không
20	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	Không	Không
21	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	Không	Có
22	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Châu	Không	Không
23	Trung tâm Y tế Cù Lao Dung	Không	Không
24	Trung tâm Y tế huyện Ngã Năm	Không	Không

Stt	Cơ sở y tế	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống xử lý chất thải rắn
25	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Không	Không
26	PK ĐKKV Hưng Phú (Cũ)	Không	Không
27	PK ĐKKV Đại Ngãi	Không	Không
28	PK ĐKKV An Lạc Thôn (Cũ)	Không	Không
29	109 Trạm Y tế	Không	Không

(*) Hệ thống xử lý nước thải không đủ công suất hoặc nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn TCVN 7382 : 2004

(**) Hệ thống lò đốt không đạt tiêu chuẩn TCVN 6560-2005

- Tuyển tình có 5/7 đơn vị có lò đốt chất thải rắn y tế và hệ thống xử lý nước thải.

- Tuyển huyện chỉ có 5/20 đơn vị có lò đốt chất thải rắn y tế và hệ thống xử lý nước thải.

- 109/109 trạm y tế đều chưa có lò đốt rác y tế và hệ thống xử lý nước thải.

2. Ước tính khối lượng chất thải y tế hàng ngày tại các cơ sở y tế và mức độ xử lý

Stt	Đơn vị	Số giường bệnh thiết kế	Lượng rác thải (kg/ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)
1	BVĐK huyện Ngã Năm	120	70	42
2	BVĐK Cù Lao Dung	100	70	23
3	BVĐK Vĩnh Châu	120	110	35
4	BVĐK Long Phú	120	110	39
5	BVĐK Mỹ Xuyên	120	80	38
6	BVĐK Mỹ Tú	100	70	31
7	BVĐK Thạnh Trị	100	70	37
8	BVĐK Kế Sách	120	80	36
9	Trung tâm Kiểm nghiệm	0	10	10
10	Bệnh viện 30/4	100	100	50
11	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	700	600	300
12	Bệnh viện quân dân y	100	100	50
13	TT. YTDP tỉnh	0	10	10
14	TT. PCBXH	100	70	40
15	TT. CSSKSS	50	25	21
16	11 Trung tâm Y tế huyện/TP	100	200	200
17	PK ĐKKV Đại Ngãi	30	30	8
18	109 Trạm Y tế	0	320	424
	Tổng cộng:	2.080	2.125	1.394
	Số được xử lý đúng		1.488	418
	Tỷ lệ % được xử lý đúng		70%	30%

SỞ Y TẾ: TỈNH SÓC TRĂNG

HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI BỆNH VIỆN
 CỦA CÁC BỆNH VIỆN ĐƯỢC ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN ODA HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI BỆNH VIỆN

TT	Thông tin cung cấp	BVDK huyện Mỹ Tú	BVDK huyện Mỹ Xuyên	BVDK huyện Cù Lao Dung	TTYT huyện Châu Thành	TTYT huyện Trần Đề
I	Thông tin các Bệnh viện, Trung tâm Y tế					
1	Số giường bệnh kế hoạch	120	120	120	100	100
2	Số giường bệnh thực kê	150	150	150	120	120
3	Quy hoạch giường bệnh đến năm 2015- 2020	150	150	150	150	150
4	Có kế hoạch chuyển địa điểm không	Không	Không	Không	Không	Không
5	Có nằm trong danh sách gây ô nhiễm nghiêm trọng (Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng xin gửi kèm theo)	Có	Có	Có	Có	Có
6	Đã có dự án chuẩn bị đầu tư cho hệ thống xử lý chất thải chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa
II	Hiện trạng hệ thống xử lý chất thải rắn					
II.1	Bảng công nghệ đốt. Nếu có, để nghị cung cấp thông tin sau	<i>Chưa có</i>	<i>Chưa có</i>	<i>Chưa có</i>	<i>Chưa có</i>	<i>Chưa có</i>
1	Năm đưa vào hoạt động, công suất, dạng công nghệ					
2	Tình trạng hiện tại (Mô tả chi tiết)					
3	Kết quả quan trắc, thanh kiểm tra môi trường thời điểm gần nhất					
4	Lượng chất thải rắn thải ra hàng ngày cần xử lý (24 giờ)	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm
5	Nhu cầu đầu tư	Đầu tư mới	Đầu tư mới	Đầu tư mới	Đầu tư mới	Đầu tư mới
6	Công suất lò đốt đầu tư dự kiến	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ

TT	Thông tin cung cấp	BVĐK huyện Mỹ Tú	BVĐK huyện Mỹ Xuyên	BVĐK huyện Cù Lao Dung	TTYT huyện Châu Thành	TTYT huyện Trần Đề
II.2	Bảng công nghệ không đối	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có
III	Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải.	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có
1	Năm đưa vào hoạt động, công suất, dạng công nghệ					
2	Tình trạng hiện tại (Mô tả chi tiết)					
3	Kết quả quan trắc, thanh kiểm tra môi trường thời điểm gần nhất					
4	Lượng chất nước thải ra hàng ngày/cần xử lý (24 giờ)	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm
5	Nhu cầu đầu tư	Dầu tư mới	Dầu tư mới	Dầu tư mới	Dầu tư mới	Dầu tư mới
6	Công suất xử lý cần đầu tư dự kiến	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm

Xin đề xuất nhu cầu đầu tư:

- Năm 2013: 03 bệnh viện là BVĐK huyện Mỹ Tú; BVĐK huyện Mỹ Xuyên và BVĐK huyện Cù Lao Dung;
- Năm 2014: 02 Trung tâm Y tế là TTYT huyện Châu Thành và TTYT huyện Trần Đề.

Trần Trọng Bảo cáo./.

Sóc Trăng, ngày 29 tháng 12 năm 2012

Nơi nhận:

- Các nhà tài trợ;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở TN-MT;
- Lưu VT/HC.



BS. Nguyễn Xuân Hải

Phụ lục 1: Kèm theo báo cáo số: 01/BC.SYT, ngày 19/12/2012 của Sở Y tế

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHẤT THẢI Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Khu vực các đơn vị làm công tác Y tế Dự phòng tỉnh và huyện)

TÊN CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM SÁT VÀ BẢO CAO

STT	NỘI DUNG	TT.	TT.	TT.	TT.	Thành	Kế	Thành	Mỹ	Mỹ	Long	Vinh	Cù Lao	Ngã	Châu	Trần	Tổng
		YTDP	PCBXH	CSSKSS	KN	phố	Sách	Trí	Tô	Xuyên	Phiá	Châu	Dung	Nậm	Thành	Đề	
I	CHẤT THẢI RẮN																
1	Số điểm thu gom	2	7	5	5	6	8	6	5	6	5	5	5	6	3	3	77
2	SLRT ước tính bình quân/ngày (kg)	20	40	16	15	8	8	6	8	8	7	6	9	8	5	5	169
3	SLRT thu gom/SLRT ước tính (kg)	20	40	14	10	5	3	3	3	3	4	4	6	4	3	3	125
4	SLRT được PL/SLRT thu gom (kg)	20	40	12	8	4	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	108
5	SLRT xử lý đúng/SLRT được PL (kg)	20	40	12	8	4	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	98
6	Quy trình thu gom	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	
7	Quy trình phân loại	Đặt	Đặt	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	
8	Quy trình lưu trữ (ngày)	1-2	1-2	2-3	2-3	2-3	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	3-5	
9	Phương tiện vận chuyển rác	Xe đẩy	Xe đẩy	Xe máy	Xe máy	Xe máy	Cần tay	Xe máy	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	
	Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)																58,0
II	NƯỚC THẢI																
1	Số điểm thu gom	4	7	6	4	6	4	5	4	4	5	4	4	5	3	3	68
2	SLNT ước tính bình quân/ngày (m ³)	20	40	15	12	12	12	10	10	10	10	10	10	10	10	10	201
3	SLNT quản lý/SLNT ước tính (m ³)	20	40	12	8	8	8	7	7	7	6	6	6	6	5	5	151
4	SLNT xử lý/SLNT được quản lý (m ³)	20	40	10	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	80
5	SLNT xử lý đúng/SLNT được xử lý (m ³)	20	40	5	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	69
6	Hệ thống thoát nước thải y tế/bê nêrê	Riêng	Riêng	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	
7	Hệ thống bê tông, xử lý	Có	Có	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	
	Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)																34,3

Ghi chú: SLRT: Số lượng rác thải; SLNT: Số lượng nước thải; PL: Phân loại.

Phụ lục 2: Kèm theo báo cáo số: 01/BC.SYT, ngày 19/12/2012 của Sở Y tế

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHẤT THẢI Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Khu vực các Bệnh viện tỉnh và huyện)

Stt	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT VÀ BÁO CÁO															
		BVENK Tỉnh	BV 30/4	BV QĐY	TT, GDYK	Kế Sách	Thanh Trí	Mỹ Tú	Mỹ Xuyên	Long Phú	Vinh Châu	Cù Lao Dung	Ngã Năm	Châu Thành	Trần Đề	Cộng	
I	CHẤT THẢI RẠN																
1	Số điểm thu gom	32	12	12	4	10	8	11	8	12	12	9	11	6	6	153	
2	SL.RT ước tính bình quân/ngày (kg)	260	40	35	12	25	20	25	30	30	30	25	25	15	15	582	
3	SL.RT thu gom/SL.RT ước tính (kg)	260	40	35	10	20	15	15	20	20	20	20	20	10	10	510	
4	SL.RT được PL/SL.RT thu gom (kg)	220	40	35	10	18	10	10	10	15	15	15	10	8	8	424	
5	SL.RT xử lý đúng/SL.RT được PL (kg)	220	40	35	10	18	10	8	9	15	15	12	10	6	6	414	
6	Quy trình thu gom	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày		
7	Quy trình phân loại	Đạt	Đạt	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không		
8	Quy trình lưu trữ (ngày)	1-2	1-2	1-2	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	3-5	3-5		
9	Phương tiện vận chuyển rác	Xe đẩy	Xe đẩy	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay		
	Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)															71,1	
II	NƯỚC THẢI																
1	Số điểm thu gom	28	12	12	4	8	6	8	7	8	6	6	8	4	4	121	
2	SL.NT ước tính bình quân/ngày (m ³)	120	30	30	10	45	40	40	40	45	45	40	40	20	20	565	
3	SL.NT quản lý/SL.NT ước tính (m ³)	120	30	30	5	40	20	20	20	25	20	30	40	20	20	440	
4	SL.NT xử lý/SL.NT được quản lý (m ³)	120	30	30	3	25	10	10	10	10	10	15	15	10	10	308	
5	SL.NT xử lý đúng/SL.NT được xử lý (m ³)	120	30	30	3	25	10	10	5	10	10	15	15	8	8	299	
6	Hệ thống thoát nước thải y tế/bề mặt	Riêng	Riêng	Riêng	Chung	Riêng	Chung	Chung	Chung	Chung	Chung	Riêng	Riêng	Chung	Chung		
7	Hệ thống bể lắng, xử lý	Có	Có	Có	Không	Có	Không	Không	Không	Không	Không	Có	Có	Không	Không		
	Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)															52,9	

Ghi chú: SL.RT: Số lượng rác thải; SL.NT: Số lượng nước thải; PL: Phân loại.

Phụ lục 3: Kèm theo báo cáo số: 01/BC-SYT, ngày 19/12/2012 của Sở Y tế

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHẤT THẢI Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Khu vực các Trạm Y tế và Phòng khám Đa khoa Khu vực)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT VÀ BẢO CAO															
		Thành phố	Kê Sách	Thanh Trì	Mỹ Tú	Mỹ Xuyên	Long Phú	Vinh Châu	Cố Lao Dương	Ngã Nam	Châu Thành	Trần Đề	Cộng				
I	CHẤT THẢI RẮN																
1	Số điểm thu gom	10	13	9	9	12	12	10	8	8	9	9	109				
2	SLRT ước tính bình quân/ngày (kg)	30	40	27	30	38	38	30	25	25	30	30	343				
3	SLRT thu gom/SLRT ước tính (kg)	20	30	20	30	25	30	20	20	20	20	20	255				
4	SLRT được PL/SLRT thu gom (kg)	20	20	15	15	15	20	10	15	15	10	10	165				
5	SLRT xử lý đúng/SLRT được PL (kg)	15	10	10	15	12	15	9	8	8	8	8	118				
6	Quy trình thu gom	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày	Mỗi ngày					
7	Quy trình phân loại	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không					
8	Quy trình lưu trữ (ngày)	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3					
9	Phương tiện vận chuyển rác	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay					
	Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)																
II	NƯỚC THẢI																
1	Số điểm thu gom	10	13	9	9	12	12	10	8	8	9	9	109				
2	SLNT ước tính bình quân/ngày (m ³)	20	26	20	20	25	23	20	18	18	20	29	239				
3	SLNT quản lý/SLNT ước tính (m ³)	15	15	10	10	12	11	10	10	10	12	12	127				
4	SLNT xử lý/SLNT được quản lý (m ³)	5	5	4	4	5	5	5	4	4	5	5	40				
5	SLNT xử lý đúng/SLNT được xử lý (m ³)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
6	Hệ thống thoát nước thải y tế/ré mặt	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do					
7	Hệ thống bể lắng, xử lý	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không					
	Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)												0,0				

Ghi chú: SLRT: Số lượng rác thải; SLNT: Số lượng nước thải; PL: Phân loại.

Phụ lục 4: Kèm theo báo cáo số: 01/BC.SYT, ngày 19/12/2012 của Sở Y tế

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHẤT THẢI Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Khu vực các cơ sở y tế Tư nhân)

STT	NỘI DUNG	ĐỊA BÀN ĐƯỢC KIỂM SÁT VÀ BẢO CÁO													
		Thạch phá	Kế Sách	Thạch Tế	Mỹ Tú	Mỹ Xuyên	Long Phủ	Vĩnh Châu	Cư Lao Dương	Nghè Nham	Châu Thành	Trần Đề	Cộng		
I	CHẤT THẢI RẮN														
1	Số điểm thu gom	225	62	27	65	51	67	35	33	44	37	22	668		
2	SLRT ước tính bình quân/ngày (kg)	250	70	30	70	60	70	40	40	50	40	30	750		
3	SLRT thu gom/SLRT ước tính (kg)	200	50	25	50	45	60	30	30	35	30	20	575		
4	SLRT được PL/SLRT thu gom (kg)	180	40	20	40	30	45	25	20	25	25	15	465		
5	SLRT xử lý dùng/SLRT được PL (kg)	180	30	15	30	25	35	20	20	25	25	15	420		
6	Quy trình thu gom	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do			
7	Quy trình phân loại	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không			
8	Quy trình lưu trữ (ngày)	1-5	1-5	1-5	1-5	1-5	1-5	1-5	1-5	1-5	1-5	1-5			
9	Phương tiện vận chuyển rác	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay	Cần tay			
	<i>Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)</i>														
II	NƯỚC THẢI												56,0		
1	Số điểm thu gom	225	62	27	65	51	67	35	33	44	37	22	668		
2	SLNT ước tính bình quân/ngày (m ³)	250	65	30	65	50	70	35	35	45	40	25	710		
3	SLNT quản lý/SLNT ước tính (m ³)	200	40	20	40	30	50	25	25	30	30	20	510		
4	SLNT xử lý/SLNT được quản lý (m ³)	150	30	15	30	20	40	20	20	25	25	15	390		
5	SLNT xử lý dùng/SLNT được xử lý (m ³)	100	25	10	25	15	30	15	15	20	20	10	285		
6	Hệ thống thoát nước thải y tế bề mặt	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do	Tự do			
7	Hệ thống bể lắng, xử lý	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không			
	<i>Tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn (%)</i>												40,1		

Ghi chú: SLRT: Số lượng rác thải; SLNT: Số lượng nước thải; PL: Phân loại.

Phụ lục 5: Kèm theo báo cáo số: 01/BCT.SYT, ngày 19/12/2012 của Sở Y tế

TỔNG HỢP CHUNG TÌNH HÌNH CHẤT THẢI Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Stt	NỘI DUNG	KHU VỰC Y.TDP		KHU VỰC BỆNH VIỆN		KHU VỰC TRÀM Y TẾ		KHU VỰC Y TẾ TƯ		TỔNG CỘNG	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
I	CHẤT THẢI RẮN										
1	Số điểm thu gom	77	7,6	153	15,2	109	10,8	668	66,3	1.007	100,0
2	SLRT ước tính bình quân/ngày (kg)	169	9,2	582	31,6	343	18,6	750	40,7	1.844	100,0
3	SLRT thu gom/SLRT ước tính (kg)	125	74,0	510	87,6	255	74,3	575	76,7	1.465	79,4
4	SLRT được PL/SLRT thu gom (kg)	108	63,9	424	72,9	165	48,1	465	62,0	1.162	63,0
5	SLRT xử lý đúng/SLRT được PL (kg)	98	58,0	414	71,1	118	34,4	420	56,0	1.050	56,9
	Tỷ lệ được thu gom, phân loại (%)	63,9		72,9		48,1		62,0		63,0	
II	NƯỚC THẢI										
1	Số điểm thu gom	68	7,0	121	12,5	109	11,3	668	69,2	966	100,0
2	SLNT ước tính bình quân/ngày (m ³)	201	11,7	565	32,9	239	13,9	710	41,4	1.715	100,0
3	SLNT quản lý/SLNT ước tính (m ³)	151	75,1	440	77,9	127	53,1	510	71,8	1.228	71,6
4	SLNT xử lý/SLNT được quản lý (m ³)	80	39,8	308	54,5	40	16,7	390	54,9	818	47,7
5	SLNT xử lý đúng/SLNT được xử lý (m ³)	69	34,3	299	52,9	0	0,0	285	40,1	653	38,1
	Tỷ lệ được xử lý (%)	39,8		54,5		0,0		54,9		47,7	

Ghi chú: SLRT: Số lượng rác thải; SLNT: Số lượng nước thải; PL: Phân loại.

Người thực hiện:

Bs. Trần Văn Dũng

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 12 năm 2012



Số:/BC-TNMT

Sóc Trăng, ngày ... tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO

Thực trạng quản lý chất thải rắn công nghiệp, y tế trên địa bàn
tỉnh Sóc Trăng

1. Tình hình phát sinh chất thải rắn công nghiệp, nguy hại.

1.1. CTR công nghiệp không nguy hại:

Theo số liệu ước tính toàn tỉnh mỗi ngày phát sinh tổng lượng CTR từ sản xuất công nghiệp, dịch vụ tiêu biểu (khu công nghiệp, các nhà máy chế biến thủy sản, nhà máy đường, nhà máy bia) khoảng 157,3 tấn/ngày, tương đương 57.408 tấn/năm, tăng 20,5% so năm 2010. Gồm: Khu công nghiệp An Nghiệp (1,383 tấn/ngày); Khu Cảng cá Trần Đề (0,8 – 1 tấn/ngày); Cơ sở công nghiệp tiêu biểu (154,9 tấn/ngày). Thành phần chất thải rắn công nghiệp tại tỉnh Sóc Trăng bao gồm: sắt thép vụn, giấy, nhựa, gạch đá, đầu vỏ tôm, bã bùn, bã mía, đầu, xương cá, mùc, bao bì, bọc nilong...

Số lượng CTR của các cơ sở công nghiệp nêu trên (không kể chất thải rắn đã tái sử dụng của Nhà máy đường như: bã mía, bã bùn, đầu và xương cá) qua các năm được thể hiện theo biểu đồ sau:

1.2. CTR công nghiệp nguy hại

Trong những năm gần đây, CTR nguy hại trong sản xuất công nghiệp phát sinh không nhiều, chỉ từ 1 – 1,8 tấn/ngày và tập trung ở các cơ sở sản xuất công nghiệp lớn, tiêu biểu. Thành phần, chủng loại chung của CTR nguy hại trên địa bàn tỉnh chủ yếu như: bóng đèn neon hỏng, các loại bao bì chứa đựng hóa chất, bình ác qui hỏng, vỏ hộp, bình mực máy in, vi mạch điện tử hỏng...

Dự báo đến năm 2020 tỉnh Sóc Trăng sẽ có tổng diện tích các KCN/CCN được đầu tư xây dựng (không kể cả trung tâm nhiệt điện) là 1.114,3 ha. Nếu tính tải lượng chất thải rắn phát sinh theo định mức 0,4 tấn/ha/ngày (tham chiếu số liệu thống kê của các KCN có cùng đặc điểm ngành nghề) và dự kiến khối lượng rác thải công nghiệp của tỉnh Sóc Trăng theo dự báo vào năm 2012 ước khoảng 62.679,26 tấn/năm và năm 2020 là 162.688 tấn/năm.

Cùng với sự gia tăng về lượng, thành phần CTR công nghiệp cũng đa dạng hơn, nhiều thành phần độc hại hơn (dung dịch mạ, các chất bán dẫn và nhiều hợp kim khác, hóa chất còn dư thừa), đặc biệt thành CTNH sẽ gia tăng nhanh chóng. Theo số liệu điều tra, lượng CTR công nghiệp nguy hại năm 2010 là 1.141 tấn/năm, dự báo lượng CTRNH sẽ tăng lên khoảng 1.567 tấn/năm vào năm 2015 và 2.742,3 tấn/năm vào năm 2020.

2. Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp, nguy hại.

2.1. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

Phần lớn chất thải rắn không nguy hại thường được thu hồi tái sử dụng một phần,, phần còn lại được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt của khu vực. Theo số liệu thống kê năm 2010, lượng chất thải công nghiệp phát sinh hàng ngày khoảng 157,3 tấn/ngày. Trên thực tế, lượng chất thải còn lớn hơn rất nhiều. Do điều kiện năng lực và phương tiện thu gom chưa được tốt, tỷ lệ thu gom còn thấp dẫn đến CTR công nghiệp chưa được thực hiện triệt để, việc tiêu tán CTR công nghiệp bằng các hình thức như đưa vào các kênh rạch, đổ thành đống ngay tại cơ sở, đốt ngay tại khu vực sản xuất... vẫn còn diễn ra thường xuyên, gây ô nhiễm môi trường.

2.2. Chất thải rắn nguy hại

Hiện nay, lượng CTRNH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh được thu gom khoảng 2.730 kg/ngày (đạt 70%). Hình thức xử lý hiện nay chủ yếu là:

- Đối với các cơ sở sản xuất nhỏ thì đa phần CTRNH đều được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

- Đối với các cơ sở sản xuất quy mô lớn, một phần rác thải nguy hại sẽ được thu gom, lưu chứa tại các kho, sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại tại các tỉnh trong khu vực.

3. Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn y tế

Theo số liệu của ngành y tế, lượng CTR y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt thấp hơn 50%. CTR y tế được thu gom riêng biệt và xử lý thông qua các hình thức: thu gom bán phế liệu đối với các loại CTR có thể tái chế, tái sử dụng và CTR y tế nguy hại được thu gom, xử lý riêng.

Chất thải rắn y tế nguy hại đa phần được xử lý bằng các lò đốt thủ công (lò đốt đơn giản), một phần được xử lý bằng các lò đốt chuyên dụng, công nghệ cao (như bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng, bệnh viện Đa khoa cấp huyện). Song, các lò đốt công nghệ cao hiện đang trong tình trạng quá tải, không đủ công suất xử lý, khí thải phát sinh chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định.

Đối với các trạm y tế, phòng khám bệnh khu vực xã, phòng khám bệnh tư nhân thì phần lớn CTRYT được thu gom chung với rác thải sinh hoạt, và hợp đồng với dịch vụ tại địa phương để thu gom vận chuyển về đổ vào bãi rác tập trung hay thiêu hủy tại lò đốt tạm (*lò đốt đơn giản*). Một số bệnh viện tuyến huyện đã được đầu tư lò đốt rác chuyên dụng, nhưng còn gặp nhiều khó khăn do chi phí quản lý, vận hành cao, lượng CTR y tế nguy hại ít nên không vận hành thường xuyên, tuổi thọ của các lò đốt rác y tế giảm nhanh./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thành phần dự họp;
- Lưu VT.

SƠ Y TẾ: TÍNH SỐC TRĂNG

HỆN TRĂNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI BỆNH VIỆN
 CỦA CÁC BỆNH VIỆN ĐƯỢC ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN ODA HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI BỆNH VIỆN

TT	Thông tin cung cấp	BYDK huyện Mỹ Tú		BYDK huyện Mỹ Xuyên		BYDK huyện Cà Mau		TTYT huyện Châu Thành		TTYT huyện Trần Đề	
		BYDK huyện Mỹ Tú	BYDK huyện Mỹ Xuyên	BYDK huyện Cà Mau	TTYT huyện Châu Thành	TTYT huyện Trần Đề					
I Thông tin các Bệnh viện, Trung tâm Y tế											
1	Số giường bệnh kế hoạch	120	120	120	160	160					
2	Số giường bệnh thực tế	150	150	150	120	170					
3	Quy hoạch giường bệnh đến năm 2015-2020	150	150	150	150	150					
4	Có kế hoạch chuyển địa điểm không	Không	Không	Không	Không	Không					
5	Có nằm trong danh sách gây ô nhiễm nghiêm trọng (Quyết định số 188/QĐ-TBND ngày 15/05/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng xin gửi kèm theo)	Có	Có	Có	Có	Có					
6	Đã có dự án chuẩn bị đầu tư cho hệ thống xử lý chất thải chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa					
II Hiện trạng hệ thống xử lý chất thải rắn											
III Bảng công nghệ xử lý. Nếu có, để nghị cung cấp thông tin sau											
1	Năm đưa vào hoạt động, công suất, đang công nghệ	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có					
2	Tình trạng hiện tại (Mô tả chi tiết)										
3	Kết quả quan trắc, thanh kiểm tra môi trường thời điểm gần nhất										
4	Lượng chất thải rắn thải ra hàng ngày của xử lý (24 giờ)	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm	90-120kg /ngày đêm					
5	Nhu cầu đầu tư	Đầu tư mới	Đầu tư mới	Đầu tư mới	Đầu tư mới	Đầu tư mới					
6	Công suất to đơc đầu tư dự kiến	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ	30-50Kg/giờ					

TT	Thông tin cung cấp	BVĐK huyện Mỹ Từ	BVĐK huyện Mỹ Xuyên	BVĐK huyện Cầu Lộ	TTYT huyện Châu Thành	TTYT huyện Hậu Lễ
H.2	Bảng công nghệ không khí	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có
III	Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải.	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có
1	Nguồn đưa vào hoạt động, công suất, dạng công nghệ					
2	Tình trạng hiện tại (Mô tả chi tiết)					
3	Kết quả quan trắc, thanh kiểm tra môi trường thời điểm gần nhất					
4	Lượng chất nước thải ra hàng ngày của xử lý (24 giờ)	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm	40-45m ³ /ngày đêm
5	Nhu cầu đầu tư	Dầu tu mới	Dầu tu mới	Dầu tu mới	Dầu tu mới	Dầu tu mới
6	Công suất xử lý của đầu tư dự kiến	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm	50-60m ³ /ngày đêm

Xin đề xuất nhu cầu đầu tư:

- Năm 2013: 03 bệnh viện là BVĐK huyện Mỹ Từ, BVĐK huyện Mỹ Xuyên và BVĐK huyện Cầu Lộ đang
- Năm 2014: 02 Trung tâm Y tế là TTYT huyện Châu Thành và TTYT huyện Hậu Lễ.

Trần Trọng Bảo Châu

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 12 năm 2012

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Các nhà tài trợ
- UBND tỉnh (báo cáo)
- Sở TN-MT
- Lâm VTHC

UBND TỈNH SÓC TRĂNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STNMT-BVMT Sóc Trăng, ngày tháng 01 năm 2013
V/v cung cấp thông tin liên quan đến vấn đề xử lý chất thải công nghiệp, y tế trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại buổi tiếp và làm việc với đoàn khảo sát của dự án nghiên cứu phát triển lò đốt rác loại nhỏ và vừa tại Việt Nam bằng nguồn vốn ODA Nhật Bản. Sở Tài nguyên và Môi trường xin cung cấp những thông tin liên quan đến vấn đề xử lý chất thải công nghiệp, y tế trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của đoàn khảo sát như sau:

1. Hiện trạng cũng như khó khăn thách thức trong việc xử lý chất thải công nghiệp, y tế:

- Về quản lý, xử lý chất thải công nghiệp nguy hại: Hiện nay, trong tỉnh chưa có đơn vị đủ chức năng hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp nguy hại. Do đó, phần lớn chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở công nghiệp được thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chứa để hợp đồng với đơn vị có chức năng ngoài tỉnh để vận chuyển, xử lý nhưng chi phí vận chuyển, xử lý quá cao; một phần còn lại thu gom, vận chuyển chung với rác thải sinh hoạt đổ bãi rác tập trung.

- Về quản lý, xử lý chất thải y tế: theo số liệu của ngành y tế thì lượng chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt thấp hơn 50%, cụ thể như: Đối với các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện phần lớn chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom, xử lý bằng lò đốt thủ công (lò đốt đơn giản), phần còn lại xử lý bằng lò đốt chuyên dụng nhưng hiện đang trong tình trạng quá tải, không đủ công suất xử lý và khí thải phát sinh chưa được xử lý đạt quy chuẩn môi trường quy định.

Đối với các trạm y tế, phòng khám khu vực xã, phường, thị trấn phần lớn chất thải rắn y tế thu gom tiêu hủy bằng lò đốt tạm (lò đốt đơn giản). Riêng phòng khám bệnh tư nhân chủ yếu thu gom chung với rác thải sinh hoạt đổ bãi rác tập trung.

2. Kế hoạch cải thiện cũng như phương châm liên quan đến việc cải thiện xử lý chất thải công nghiệp, y tế:

- Theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng Bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XII nhiệm kỳ 2010 – 2015: chất thải nguy hại và chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường 100%.

- Chất thải y tế: ngành y tế đã xây dựng Kế hoạch quản lý chất y tế tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2012 - 2015 và UBND tỉnh đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh từ hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường trung ương, vốn địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Những kỳ vọng đối với Nhà nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường) về vấn đề xử lý chất thải công nghiệp, y tế:

- Theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg, ngày 11/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải rắn y tế giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng

đến năm 2020 thì giai đoạn đến năm 2015: 100% các cơ sở y tế tuyến Trung ương và tuyến tỉnh, 70% các cơ sở y tế tuyến huyện và 100% các cơ sở y tế tư nhân thực hiện xử lý chất thải rắn y tế bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Theo Quyết định số 170/QĐ-TTg, ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025 thì giai đoạn đến năm 2015: 100% lượng chất thải rắn y tế nguy hại tại các cơ sở y tế được thu gom, phân loại và vận chuyển đến các cơ sở xử lý, trong đó 70% lượng chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

4. Với mục đích phổ biến việc xử lý chất thải y tế thích hợp tại địa phương có chỉ đạo một loại hình xử lý nào không:

Hiện nay, tỉnh đang áp dụng đồng thời 02 mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại cho các bệnh viện: mô hình xử lý tại chỗ và mô hình xử lý theo cụm cơ sở y tế.

- Mô hình xử lý tại chỗ: các bệnh viện đã đầu tư đưa vào sử dụng lò đốt chuyên dụng (lò đốt 02 cấp) với công suất vừa (20 kg/giờ) để xử lý chất thải nguy tế nguy hại phát sinh tại cơ sở y tế.

- Mô hình xử lý theo cụm: đầu tư lò đốt với công suất lớn (trên 100 kg/giờ) tại bệnh viện đa khoa tỉnh để hợp đồng thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại cho các bệnh viện, trung tâm y tế, các trạm y tế, cơ sở tư nhân trên địa bàn tỉnh.

5. Những khó khăn, thách thức cũng như sự kỳ vọng trong việc cung cấp các lò đốt được tài trợ từ nguồn vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản cho địa phương:

- Hiện nay, tỉnh đang gặp khó khăn về vốn đầu tư lò đốt công nghệ cao với công suất lớn để xử lý chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế nguy hại theo mô hình xử lý theo cụm; chưa có đơn vị đủ năng lực để thực hiện chức năng thu gom, xử lý chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế nguy hại.

- Đề nghị Trung ương xem xét, hỗ trợ địa phương đầu tư 02 lò đốt rác thải y tế chuyên dụng, công nghệ cao cho bệnh viện khu vực Châu Thành, bệnh viện khu vực Cù Lao Dung với công suất 50 kg/giờ và 01 lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại đặt tại Khu công nghiệp An nghiệp để xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong khu công nghiệp và một phần ngoài khu công nghiệp với công suất 150 kg/giờ từ nguồn vốn viện trợ chính thức ODA Nhật Bản.

6. Tư liệu liên quan đến vấn đề xử lý chất thải công nghiệp:

- Khối lượng chất thải phát sinh: chất thải công nghiệp nguy hại phát sinh toàn tỉnh ước tính từ 1 – 1,8 tấn/ngày (theo số liệu báo cáo hiện trạng trạng môi trường 05 năm, 2006 – 2010). Ngoài ra, lượng chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt còn lẫn trong rác thải sinh hoạt đổ tại bãi rác tập trung với khối lượng khoảng 6 tấn/ngày (chiếm khoảng 0,03%).

- Số lượng công ty xử lý: không có

7. Tư liệu liên quan đến vấn đề xử lý chất thải y tế:

- Số bệnh viện: bệnh viện tuyến tỉnh, huyện: 16 (đang xây dựng mới: 02); trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh và huyện: 15; trạm y tế xã, phường, thị trấn: 109 và cơ sở ở y tế tư nhân: 668.

- Khối lượng chất thải phát sinh: tổng lượng rác thải y tế phát sinh từ bệnh viện, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế và cơ sở y tế tư nhân ước tính khoảng 1,844 tấn/ngày.

- Số bệnh viện tự xử lý chất thải y tế: có 12 bệnh viện, trung tâm tuyến tỉnh và huyện có lò đốt chuyên dụng (thời gian đưa vào hoạt động từ 2004 - 2009).

- Số lượng công ty xử lý bên ngoài: không có

- Tỷ lệ dùng phương pháp đốt (tỷ lệ xử lý bằng lò đốt, xử lý bằng cách chôn lấp, cụ thể từng khu vực nếu được): lò đốt 02 buồng sử dụng nhiên liệu là điện và dầu DO, công suất xử lý 20 kg/mẻ (10 lò), 40 kg/mẻ (01 lò) và 100 kg/mẻ (01 lò).
 - Chi phí xử lý (cụ thể từng chi phí chẳng hạn như nhân công, nhiên liệu, khấu hao,...): chi phí lò đốt với công suất 20 kg/mẻ khoảng 2 kw điện, 5 lít dầu và công nhân vận hành 5 triệu đồng/tháng (02 người); chi phí lò đốt với công suất 100 kg/mẻ khoảng 8 kw điện, 30 lít dầu và công nhân vận hành 8,5 triệu đồng/tháng (03 người).
- Trên đây là thông tin liên quan đến vấn đề xử lý chất thải công nghiệp, y tế trên địa bàn tỉnh./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

13. カントー市の資料
受領資料①

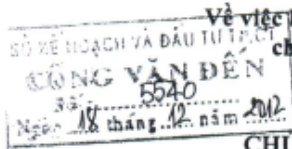
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 3157 /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 13 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH



Về việc ban hành Bộ tiêu chí kinh tế - kỹ thuật - công nghệ và cơ chế chính sách đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn nguy hại (y tế và công nghiệp) thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2697/TT-CHKĐT-KT ngày 04 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí kinh tế - kỹ thuật - công nghệ và cơ chế chính sách đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn nguy hại (y tế và công nghiệp) thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP UBND thành phố (2BD, 3D);
- Lưu: VT, BN.



Võ Thị Hồng Ánh



BỘ TIÊU CHÍ KINH TẾ - KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ

**CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI
NGUY HẠI (Y TẾ VÀ CÔNG NGHIỆP) THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Thực hiện kèm theo Quyết định số 3157 /QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ*

**CÁC TIÊU CHÍ VỀ KINH TẾ - KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ ĐỂ
LỰA CHỌN ĐƠN VỊ ĐẦU TƯ NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
NGUY HẠI (Y TẾ VÀ CÔNG NGHIỆP) THÀNH PHỐ CẦN THƠ :**

1. Địa điểm:

Vị trí: khu vực Thới Bình, Thới Trinh, phường Phước Thới và Thới An, quận Ô Môn.

- Cụ ly: cách trung tâm thành phố 17 km về hướng Bắc, cấp đường vào nhà máy nhiệt điện Ô Môn về phía trái đường số 2, cách ngã ba Quốc lộ 91 từ 1000m -1500m.

- Hiện trạng đất: đất nông nghiệp đã giải phóng mặt bằng.

2. Ưu tiên các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải nguy hại, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam; đồng thời, được hạch toán vào vốn đầu tư của dự án.

3. Công suất: từ 10 tấn chất thải rắn nguy hại (y tế và công nghiệp)/ngày (có khả năng mở rộng tối đa là 20 tấn chất thải rắn nguy hại/ngày).

4. Giải pháp xử lý: Áp dụng công nghệ đảm bảo các yêu cầu đồng bộ, tiên tiến, xử lý triệt để chất thải, tiết kiệm quỹ đất, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh.

5. Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có, huy động và vay ưu đãi.

6. Quy mô tổng diện tích sử dụng đảm bảo các hoạt động Khu xử lý chất thải rắn nguy hại (y tế và công nghiệp) công suất 10 tấn/ngày: nhỏ hơn 01 Ha. Ưu tiên xem xét, lựa chọn sử dụng quy mô đất tiết kiệm, hiệu quả.

(Lưu ý: phải có bản vẽ bố trí tổng mặt bằng xây dựng dự án cụ thể).

7. Tỷ lệ chôn lấp sau khi đốt còn không quá 3% (ưu tiên xem xét lựa chọn công nghệ có tỷ lệ chôn lấp thấp nhất). Sau khi đốt, phần chôn lấp phải đảm bảo thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường của pháp luật Việt Nam.

8. Môi trường: đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định hiện hành.

9. Phương án công nghệ và chi phí xử lý chất thải rắn:

- Công nghệ đốt đảm bảo xử lý, tiêu hủy triệt để các thành phần nguy hại (ưu tiên công nghệ Plasma).

- Chi phí xử lý chất thải rắn được thu trực tiếp từ chủ nguồn thải hoặc thông qua chủ thu gom, vận chuyển (Chi phí thu gom, vận chuyển rác y tế, bệnh phẩm của các cơ sở y tế về khu xử lý đối với thùng nhựa, cự ly, bình quân 40km là 2.696.070 đồng/tấn rác; chi phí xử lý rác y tế, bệnh phẩm bằng lò gas là 14.534.884 đồng/tấn rác).

- Ưu tiên xem xét lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện tổ chức thu gom, vận chuyển theo quy định; đồng thời, có chi phí xử lý và thu gom vận chuyển hợp lý nhất.

10. Thời gian đầu tư xây dựng nhà máy: không quá 12 tháng kể từ khi khởi công xây dựng.

11. Hình thức đầu tư: vốn tự có, huy động và vay ưu đãi của nhà đầu tư.

12. Thời gian hoạt động nhà máy không quá 20 năm.

13. Sau khi kết thúc hoạt động của dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành phục hồi và cải thiện cảnh quan khu vực, đồng thời có các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

14. Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án là 3%/tổng mức đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư, trước mắt tạm tính là 3% trên tổng mức đầu tư theo khái toán dự án và được nêu trong chủ trương đầu tư.

15. Nhà đầu tư trong quá trình thực hiện và vận hành dự án nếu vi phạm các quy định pháp luật của Việt Nam và các tiêu chí đã đăng ký, sẽ bị đóng cửa và thu hồi dự án; đồng thời, không được bồi thường chi phí đã đầu tư vào dự án.

16. Nhà đầu tư cung cấp đầy đủ các hồ sơ đăng ký kinh doanh về lĩnh vực thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại; hồ sơ chứng minh năng lực kinh nghiệm và tài chính đảm bảo thực hiện dự án. Ưu tiên xem xét, lựa chọn nhà đầu tư có chứng nhận công nghệ của cơ quan chức năng theo quy định và đã, đang quản lý vận hành thực tế.

II. CÁC CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

Nhà đầu tư khi thực hiện đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn tại thành phố Cần Thơ được hưởng các chính sách ưu đãi được quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, và Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động môi trường, Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn và những hỗ trợ của thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Điều kiện hưởng cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính:

- Đơn vị xin đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn phải tuân thủ theo quy định tại phần I Bộ tiêu chí này.

- Ngoài ra, đơn vị xin đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn phải đáp ứng được đầy đủ các điều kiện sau:

+ Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải nguy hại.

+ Có dự án đầu tư xây dựng toàn bộ hoặc từng hạng mục công trình cơ sở xử lý chất thải nguy hại phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường.

2. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại : đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn nguy hại đáp ứng được đầy đủ các điều kiện hướng dẫn tại mục 1 phần II Bộ tiêu chí này.

a) Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chi phí giải phóng mặt bằng

- Được Nhà nước giao đất đã giải phóng mặt bằng (đất sạch) để đầu tư. Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả (nộp vào ngân sách thành phố) chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần đất sạch được giao.

- Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

b) Hỗ trợ đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng ưu đãi :

Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại được hỗ trợ về tín dụng theo các hình thức vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất vay đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ ngân hàng phát triển Việt Nam, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc Quỹ bảo vệ môi trường của địa phương (nếu có) khi có đủ điều kiện đối với từng hình thức hỗ trợ. Việc hỗ trợ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của tổ chức cho vay.

c) Ưu đãi về thuế: theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về thuế.

d) Ngoài ra, nhà đầu tư được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư tại Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định về hỗ trợ đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Phụ lục:

CÁC THÔNG SỐ, YÊU CẦU VỀ TIÊU CHÍ CÔNG NGHỆ

(Nhà đầu tư lập bảng giải pháp theo mẫu này)

STT	Tiêu chí	Nội dung
1	Loại hình công nghệ xử lý	<ul style="list-style-type: none">- Công nghệ xử lý tổng hợp và phải đảm bảo các yêu cầu như đồng bộ, tiên tiến, xử lý triệt để chất thải, tiết kiệm quỹ đất và đảm bảo các yếu tố về mặt môi trường theo quy định pháp luật;- Nhà đầu tư phải trình bày rõ công nghệ do mình đề xuất đã được áp dụng thành công ở đâu (trong hoặc ngoài nước) và có các hồ sơ chứng minh;- Được thực hiện thẩm tra công nghệ đạt yêu cầu.
2	Tỷ lệ chôn lấp	<ul style="list-style-type: none">- Nhỏ hơn 3%;- Ưu tiên xem xét lựa chọn công nghệ có tỷ lệ chôn lấp thấp nhất.
3	Công suất	<ul style="list-style-type: none">- Từ 10 tấn chất thải rắn nguy hại (y tế và công nghiệp)/ngày trở lên (có khả năng mở rộng tối đa khoảng 20 tấn/ngày);- Ưu tiên xem xét các phương án công nghệ có khả năng mở rộng, nâng công suất khi cần thiết;- Liệt kê rõ tính năng động của công suất (thấp nhất, cao nhất, trung bình).
4	Chi phí xử lý	<ul style="list-style-type: none">- Do nhà đầu tư đề xuất trên cơ sở tổng chi phí đầu tư của dự án, thời gian thu hồi vốn và có lãi;- Ưu tiên xem xét lựa chọn nhà đầu tư có chi phí xử lý và thu gom vận chuyển hợp lý nhất.
5	Mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Có ứng dụng kỹ thuật số và ít nhất 1/3 tính theo giá trị các thiết bị tự động điều khiển theo chương trình;- Không có các khâu lao động thủ công nặng nhọc;- Mức độ tiêu thụ điện, nước và các loại nguyên, nhiên liệu khác của công nghệ.
6	Tính hợp lý của công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Công nghệ xử lý phải phù hợp với điều kiện của khu vực triển khai dự án và của

		<p>thành phố Cần Thơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giải pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố và các giải pháp thay thế khi xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động.
7	Nguyên, nhiên, vật liệu, phụ liệu cho sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Chủng loại, khối lượng, giá trị tính trên 1 tấn chất thải nguy hại (y tế và công nghiệp) cần xử lý; - Nguồn cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng nguyên liệu tại địa phương; + Nguyên vật liệu trong nước. + Nhập ngoại: nhiên liệu, phụ liệu phải thực sự cần thiết.
8	Trang thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ; + Danh mục các thiết bị của dự án đầu tư phải thể hiện các công đoạn trong dây chuyền công nghệ; + Đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng các sản phẩm; - Ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật; - Xuất xứ của thiết bị; - Công xuất thiết bị; - Năm chế tạo thiết bị; - Tình trạng của thiết bị (mới hoặc cũ); - Thời gian bảo hành; - Phương thức mua sắm, tập kết, lắp đặt và vận hành thử các trang thiết bị trong dây chuyền công nghệ.
9	Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh và đảm bảo điều kiện môi trường xung quanh đạt các tiêu chuẩn môi trường, quy chuẩn kỹ thuật môi trường của Việt Nam (hoặc của các nước tiên tiến trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định). - Nếu làm ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện và vận hành sẽ bị đóng cửa và thu hồi dự án, đồng thời không được bồi thường chi phí đã đầu tư vào dự án.
10	Sản phẩm của dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các sản phẩm hữu dụng phù hợp với nhu cầu kinh tế xã hội và môi trường của dự án;

		- Khả năng tạo nguồn thu từ các sản phẩm này.
11	Hiệu quả kinh tế - Xã hội và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tạo năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới; - Khả năng mở rộng thị trường; - Tạo việc làm cho người lao động; - Đóng góp ngân sách cho Nhà nước; - Và các lợi ích kinh tế xã hội môi trường khác.

SỞ TN VÀ MT THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-CCBVMT

V/v báo cáo cung cấp thông tin về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và các tài liệu liên quan đến công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Cần Thơ, ngày tháng năm 2012

Kính gửi: Đoàn công tác, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;

Thực hiện Công văn số 560/KSON-HCSN ngày 06 tháng 11 năm 2012 của Cục Kiểm soát ô nhiễm về việc phối hợp khảo sát về công tác phòng ngừa ứng phó sự cố và công tác quản lý hồ sơ môi trường. Chi cục Bảo vệ môi trường báo cáo các nội dung như sau:

1. Thông tin về hiện trạng quản lý môi trường liên quan đến hóa chất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Cần Thơ có khoảng 386 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được cấp quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; trong đó có khoảng 55 cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hóa chất.

Trong năm 2012, công tác quản lý môi trường liên quan đến hóa chất cũng như quản lý môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được Chi cục Bảo vệ môi trường triển khai cụ thể như sau:

Về công tác kiểm soát ô nhiễm:

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan: Sở Công thương, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên phạm vi thành phố. Qua kết quả kiểm tra đã tham mưu cho lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ra thông báo nhắc nhở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ chấp hành tốt các qui định về bảo vệ môi trường.
- Tham mưu Ban Giám đốc Sở cấp sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Tiếp nhận báo cáo chủ nguồn thải chất thải nguy hại và báo cáo giám sát môi trường định kỳ của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố.
- Tham gia phối hợp các đoàn kiểm tra của Thanh tra Sở Tài nguyên Môi trường, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành có liên quan...

Về công tác thẩm định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Nghiêm túc và thực hiện tốt công tác tiếp nhận hồ sơ, tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và tham mưu Ban Giám đốc Sở trình UBND phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Công tác xác nhận việc thực hiện các công trình các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành: tiếp nhận và tham mưu Ban Giám đốc Sở cấp Giấy xác nhận việc thực hiện các công trình các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành.

- Công tác thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết: Tiếp nhận, thẩm định, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và tham mưu Ban Giám đốc Sở trình UBND phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Ngoài ra Chi cục Bảo vệ môi trường còn cử công chức tham gia các hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thực hiện tại địa phương do Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tổ chức.

Chi cục Bảo vệ môi trường chủ trì tham mưu Ban Giám đốc Sở tổ chức thẩm định và trình UBND thành phố phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Công văn số 69/CV-UB ngày 05/3/2009 của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn; tham gia, phối hợp thẩm định kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Sở Công thương tổ chức theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có liên quan đến hóa chất; và tham gia, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, đánh giá các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với đơn vị có đủ năng lực xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho thành phố Cần Thơ.

2. Số liệu thống kê về quản lý môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và công tác hậu thẩm định:

Trên địa bàn thành phố Cần Thơ có khoảng 55 cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hóa chất, tuy nhiên số cơ sở đã được cấp giấy xác nhận việc thực hiện các công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành còn rất ít, khoảng 05 cơ sở (đính kèm phụ lục).

b. Công tác kiểm soát ô nhiễm, gồm có:

- Kiểm soát ô nhiễm 156 cơ sở và Công văn nhận xét kết quả kiểm soát ô nhiễm 155 cơ sở trong năm 2010;

- Kiểm soát ô nhiễm 99 cơ sở và Công văn nhận xét kết quả kiểm soát ô nhiễm 71 cơ sở trong năm 2011;

- Kiểm soát ô nhiễm 35 cơ sở trong năm 2012 (tính đến tháng 9/2012).

c. Công tác thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu:

- Nhà máy nhiệt điện Cần Thơ (Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/7/2010);

- Nhà máy nhiệt điện Ô Môn 1;

- Tổng kho xăng dầu Miền Tây (Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 22/9/2011);

- Công ty TNHH SX và KD Phúc Thành (Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 28/10/2011);

- Nhà máy PEPSICO Cần Thơ (Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 28/3/2012).

d. Công tác cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu:

- Công ty TNHH SX TM bao bì giấy Nam Hưng Phát (Quyết định số 01/STNMT-CCBVMT ngày 03/9/2009);

- Công ty TNHH SX TM DV T & T (Quyết định số 03/STNMT-CCBVMT ngày 28/9/2009);

- Công ty TNHH SX TM bao bì giấy Tân Hưng 02/STNMT-CCBVMT ngày 03/9/2009);

- Công ty CP thép Sông Hậu;

- Công ty TNHH SX TM bao bì giấy Nam Hưng Phát (Quyết định số 01/STNMT-CCBVMT ngày 30/9/2010);

- Công ty TNHH SX TM DV T & T (Quyết định số 03/STNMT-CCBVM ngày 09/12/2010);
- Công ty TNHH Thiên Ân (Quyết định số 01/STNMT-CCBVM ngày 15/6/2011);
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hùng Song Long tại Cần Thơ (Quyết định số 02/STNMT-CCBVM ngày 20/9/2011);
- Công ty TNHH cơ khí Tây Đô (Quyết định số 03/STNMT-CCBVM ngày 04/10/2011).

e. Công tác cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

- Năm 2008: cấp 07 sổ, mã số từ 92.000001.T đến 92.000007.T;
- Năm 2009: cấp 40 sổ, mã số từ 92.000008.T đến 92.000047.T;
- Năm 2010: cấp 165 sổ mã số từ 92.000048.T đến 92.000213.T;
- Năm 2011: cấp 111 sổ, mã số từ 92.000214.T đến 92.000324.T;
- Năm 2012: cấp 75 sổ, mã số từ 92.000324.T đến 92.000399.T.

f. Báo cáo QLCTNH của chủ nguồn thải định kỳ: 124 báo cáo, trong đó năm 2011 là 106 báo cáo và năm 2012 18 báo cáo.

g. Báo cáo Giám sát môi trường định kỳ: 251 báo cáo, trong đó năm 2010 là 124 báo cáo; năm 2011 là 127 báo cáo và năm 2012 là 28 báo cáo.

3. Những thuận lợi và khó khăn

a. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, và sự phối hợp hỗ trợ của các đơn vị thuộc sở, ban ngành có liên quan và UBND, các phòng Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện.
- Đội ngũ cán bộ công chức trẻ, năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng được yêu cầu công tác, đoàn kết nội bộ tốt.

b. Khó khăn

- Chi cục Bảo vệ môi trường thành lập mới và chính thức đi vào hoạt động tháng 5 năm 2009. Khối lượng công tác nhiều, yêu cầu chuyên môn sâu, số lượng biên chế hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu công tác, công chức kiêm nhiệm, đảm nhận nhiều công tác chuyên môn nên chưa đáp ứng được thời gian trong qui trình giải quyết công việc.
- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ chưa tự giác chấp hành tốt các qui định về bảo vệ môi trường nên chưa thực hiện đúng các cam kết bảo vệ môi trường về chất thải: nước thải, khí thải... cũng như việc xác nhận hoàn thành thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đạt 30%, mặc dù đã kiểm tra, nhắc nhở.
- Công tác thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết bắt đầu tiến hành thực hiện khi Thông tư 01/2012/BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản, có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 5 năm 2012; số lượng đề án tiếp nhận từ ngày Thông tư 01/2012/TT-BTNMT có hiệu lực đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường mới nhận Công văn số 3577/UBND-KT ngày 03 tháng 8 năm 2012 của UBND thành phố về việc thẩm quyền giải quyết thủ tục liên quan đến thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết nên số lượng đề án nhiều thời gian và nhân lực không đáp ứng ứng kịp để giải quyết hồ sơ đúng qui trình ISO.
- Chưa có cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin trong công tác quản lý đối với các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hóa chất.

- Chưa các tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng nhằm đánh giá chất lượng không khí, chất lượng nước thải, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật.
- Trong các hồ sơ thẩm định các dự án liên quan đến hóa chất còn lặp lại ở các thủ tục, dẫn đến cùng một vấn đề mà cơ sở phải thực hiện đến 03 thủ tục (Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất mà bản thân trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được đánh giá vấn đề này).

c. Kiến nghị

- Kiến nghị tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ chưa tự giác chấp hành tốt các qui định về bảo vệ môi trường cũng như việc xác nhận hoàn thành thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.
- Cần có cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin trong công tác quản lý đối với các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hóa chất.
- Đồng thời sớm ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng nhằm đánh giá chất lượng không khí, chất lượng nước thải, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật.
- Cần có cơ chế phối hợp và lồng ghép thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất và Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trên đây là nội dung báo cáo của Chi cục Bảo vệ môi trường gửi đến Đoàn công tác của Cục Kiểm soát ô nhiễm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD Sở (báo cáo)
- Lưu VT, CCBVMT.

CHI CỤC TRƯỞNG

TRẢ LỜI CÂU HỎI VỀ MÔI TRƯỜNG

Câu 1: Thực trạng xử lý chất thải y tế cũng như thách thức ở từng địa phương, khu vực

Sở Y tế cũng đã quan tâm đến công tác Bảo vệ môi trường cụ thể như: Xây dựng mới hoặc cải tạo hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện của ngành thực hiện quản lý chất thải y tế đảm bảo tiêu chuẩn môi trường. Đối với chất thải rắn: Xây dựng và trang bị hoàn chỉnh hệ thống thu gom, phân loại và vận chuyển chất thải trong bệnh viện. Đối với các khoa trong bệnh viện có tính đặc thù lây nhiễm cao... trang bị các thiết bị khử khuẩn tại chỗ rồi vận chuyển đến khu xử lý tập trung. Trang bị lại hệ thống thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn trong bệnh viện và thiết bị xử lý chất nguy hại tại chỗ. Đối với nước thải: Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước thải bệnh viện và đầu tư trang bị mới hệ thống xử lý nước thải sử dụng công nghệ phù hợp với đặc điểm tình hình của từng bệnh viện, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường.

Tuy nhiên cũng gặp một số khó khăn như sau:

- Cán bộ quản lý chất thải còn kiêm nhiệm nên gặp khó khăn trong công tác quản lý chất thải.
- Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không đáp ứng nhu cầu duy tu bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải cho các bệnh viện.

Câu 2: Kế hoạch cải thiện cùng với phương châm trong vấn đề cải thiện việc xử lý chất thải y tế tại địa phương, khu vực

Để hoàn thành chỉ tiêu “Tỷ lệ chất thải rắn và chất thải lỏng y tế được thu gom và xử lý 100%” ngành y tế đẩy mạnh các công việc như sau:

1. Quản lý chất thải

1.1. Phân loại và thu gom chất thải y tế:

- Đối với BVĐK tỉnh, huyện: phân loại tại nơi phát sinh chất thải và thu gom chất thải y tế trong các túi, thùng đựng chất thải đúng theo quy cách theo quy chế “Quản lý và xử lý chất thải” của Bộ Y tế.

- Đối với PKĐKKV, Trạm y tế xã và các cơ sở hành nghề y tế tư nhân: phân loại và thu gom vào các túi, thùng đựng chất thải và để riêng nhóm chất thải thông thường và chất thải y tế nguy hại được vận chuyển bằng các loại xe đẩy riêng đến nơi lưu giữ chất thải

1.2. Vận chuyển chất thải trong cơ sở y tế:

- Quy định rõ thời gian và đường vận chuyển
- Chất thải thông thường và chất thải y tế nguy hại được vận chuyển bằng các loại xe đẩy riêng đến nơi lưu giữ chất thải.

1.3. Lưu giữ chất thải thông thường và chất thải y tế:

1.3.1. Các bệnh viện tỉnh, huyện:

- Xây dựng kho chứa chất thải thông thường và chất thải y tế nguy hại.

* Nơi lưu giữ chất thải y tế thông thường:

+ Đối với các bệnh viện <150 giường bệnh, diện tích kho khoảng 6m².

+ Bệnh viện 150 đến 500 giường bệnh, diện tích kho khoảng 10m².

+ Bệnh viện >500 giường bệnh, diện tích kho khoảng 15-20 m².

* Nơi lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

+ Đối với các bệnh viện <150 giường bệnh, diện tích kho khoảng 3m².

+ Bệnh viện 150 đến 500 giường bệnh, diện tích kho khoảng 4m².

+ Bệnh viện >500 giường bệnh, diện tích kho khoảng 6-8 m².

1.3.2. Các phòng khám ĐKKV, cơ sở y tế dự phòng tuyến tỉnh và các TTYT:

- Do lượng chất thải y tế ít nên có thể lưu giữ trong các thùng chứa đựng chất thải thông thường, chất thải y tế nguy hại riêng có nắp đậy.

- Xây dựng nơi lưu giữ chất thải thông thường khoảng 6m² và nơi lưu giữ chất thải y tế nguy hại 4m² cho các phòng khám đa khoa khu vực, TTYT dự phòng tỉnh.

- Các TTYT, PKĐKKV gần BV huyện, khu vực đô thị chất thải thông thường được Công ty vệ sinh môi trường vận chuyển và xử lý; chất thải y tế nguy hại đơn vị tự vận chuyển đến lò đốt chất thải của bệnh viện.

1.3.3. Các trạm y tế xã và cơ sở y tế tư nhân:

- Đảm bảo có đầy đủ các túi, thùng chứa chất thải theo quy định để chứa đựng riêng chất thải thông thường và chất thải lây nhiễm, vì mỗi loại có yêu cầu vận chuyển và tiêu hủy riêng.

- Do lượng chất thải ít nên chất thải thường được chứa đựng trong các thùng chứa để vận chuyển đến bãi rác chung, chất thải lây nhiễm chứa trong các thùng riêng có nắp đậy, đúng quy định trước khi tiêu hủy tại các lò đốt thủ công.

2. Tăng cường năng lực quản lý môi trường

2.1. Đào tạo, truyền thông:

Hội nghị triển khai cho tất cả các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh kể cả y tế tư nhân như:

- Tổ chức các lớp tập huấn các văn bản pháp luật về quản lý và xử lý chất thải y tế

- Triển khai Quy chế quản lý chất thải y tế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007.

2.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách:

- Các chủ cơ sở có nguồn phát sinh chất thải y tế chịu trách nhiệm chính trong việc xử lý chất thải của cơ quan, đơn vị

- Tăng cường năng lực quản lý của hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường tại địa phương, đặc biệt trong việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đôn đốc

việc thực hiện kế hoạch và công tác thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không tự giác thực hiện các quy định về quản lý và xử lý chất thải y tế, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và sức khỏe.

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm huy động mọi nguồn lực của các tổ chức và cá nhân nước ngoài để thực hiện kế hoạch.

2.3. Yêu cầu về tổ chức:

- Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý và xây dựng kế hoạch xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

- Trực tiếp điều hành, kết hợp các ban ngành liên quan trong tỉnh trong việc triển khai kế hoạch.

- Giao nhiệm vụ cho người đứng đầu các cơ sở y tế:

- + Chịu trách nhiệm về quản lý chất thải y tế từ khi phát sinh đến khâu tiêu hủy cuối cùng

- + Mua và cung cấp đủ các phương tiện chuyên dụng, đạt tiêu chuẩn cho việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải; phối hợp với các cơ quan môi trường, các cơ sở xử lý chất thải của địa phương để xử lý và tiêu hủy chất thải y tế theo quy định.

- + Thực hiện các biện pháp làm giảm lượng chất thải phải tiêu hủy thông qua các hoạt động giảm thiểu, thu gom, tái chế và tái sử dụng sau khi xử lý đúng quy định.

- + Quản lý tốt việc xử lý chất thải tại các cơ sở hành nghề y tế tư nhân

- + Lãnh đạo các cơ sở y tế thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế quản lý và xử lý chất thải y tế

Câu 3: Những kỳ vọng đối với nhà nước (Bộ Y tế) trong vấn đề xử lý chất thải y tế tại địa phương, khu vực

Ngày 15 tháng 11 năm 2011 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2038/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020.

Bộ Y tế có văn bản số 7038/BYT-MT ngày 17 tháng 10 năm 2012 về việc hướng dẫn thực hiện đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến 2020 với mục tiêu xử lý các yếu tố nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường của chất thải phát sinh từ các cơ sở y tế để bảo vệ sức khỏe cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh và cộng đồng. Đến năm 2020, 100% cơ sở y tế các tuyến thực hiện xử lý chất thải y tế (bao gồm cả chất thải rắn, nước thải và khí thải) đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Câu 4: Với mục đích phổ biến việc xử lý chất thải y tế thích hợp tại khu vực, địa phương có chỉ đạo một loại hình xử lý nào không?

Ủy Ban nhân tỉnh Vĩnh Long có văn bản số 3421/UBND-KTN về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2038/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm công tác bảo vệ môi trường được quan tâm đưa vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đảm bảo chất thải y tế được thu gom và xử lý 100% theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân đề ra.

Đối với việc xử lý nước thải y tế UBND tỉnh có chỉ đạo sử dụng mô hình xử lý AAo để xử lý nước thải chung trong các bệnh viện trong tỉnh.

Câu 5: Những khó khăn thách thức cũng như sự kỳ vọng trong việc cung cấp cho các khu vực lò đốt được tài trợ từ nguồn vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản

- Số lượng bệnh nhân ngày càng tăng cao sẽ làm tăng khối lượng chất thải tại các cơ sở y tế.

- Áp lực về quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở y tế ngày càng tăng do nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng tăng.

- Nhu cầu về vốn để thực hiện quản lý và xử lý chất thải y tế tỉnh Vĩnh Long sẽ là tương đối lớn. Tuy nhiên, năng lực của tỉnh lại có hạn. Do vậy, để thực hiện tốt công tác xử lý chất thải tỉnh tích cực tìm kiếm các nguồn vốn để nâng cấp hệ thống xử lý chất thải.

Số bệnh viện: 10 bệnh viện

Số bệnh viện tự xử lý chất thải y tế: 08 bệnh viện (bệnh viện đa khoa TP đang trong quá trình xây dựng, và bệnh viện y dược cổ truyền chưa xây dựng Lò đốt rác thải phải hợp đồng với BVĐK tỉnh để đốt)

Số lượng công ty xử lý bên ngoài: không có

Tỷ lệ dùng phương pháp đốt (tỷ lệ xử lý bằng lò đốt, bằng chôn lấp cụ thể từng khu vực): 100%

Chi phí xử lý: Bệnh viện tỉnh 900triệu, bệnh viện huyện 200 triệu (nước thải và rác thải)

UBND TỈNH LONG AN
NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

SỞ Y TẾ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-SYT
2012

Long An, ngày tháng 11 năm

BÁO CÁO THỰC TRẠNG XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN NGÀNH Y TẾ TỈNH LONG AN

1. Thực trạng xử lý chất thải y tế tỉnh Long An

Long An là tỉnh nằm cửa ngõ phía tây thành phố Hồ Chí Minh, Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông giáp Tp Hồ Chí Minh, Nam giáp Đồng Tháp, Tiền Giang, Tây giáp Campuchia, dân số khoảng 1.500.000 người. Địa giới hành chính được phân chia làm 01 thành phố và 13 huyện, có địa hình đơn giản, bằng phẳng có xu thế thấp dần từ phía Đông Bắc xuống Tây Nam. Địa hình bị chia cắt bởi hai sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây với hệ thống kênh rạch chằng chịt. Phần lớn diện tích đất của tỉnh được xếp vào vùng đất ngập nước, dân số đa phần sống bằng nghề nông và đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản, trình độ dân trí thấp, ý thức của người dân trong công tác quản lý môi trường chưa cao, dân cư sống không tập trung.

Kinh tế tỉnh nhà còn khó khăn, nguồn thu ngân sách thấp chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp, còn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương, do vậy ngân sách hàng năm dành cho việc xử lý rác y tế có giới hạn chưa đáp ứng nhu cầu về môi trường trên địa bàn của tỉnh, nhất là với các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới chưa có điều kiện tiếp cận với dịch vụ xử lý rác thải y tế.

Thực trạng xử lý rác thải y tế:

- Tại các bệnh viện tuyến tỉnh: Tất cả các bệnh viện tuyến tỉnh hầu hết đều đã có hệ thống lò đốt chất thải rắn, chỉ còn bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Long An là bệnh viện tuyến tỉnh chưa có hệ thống lò đốt xử lý rác thải y tế. Toàn bộ rác thải bệnh viện chuyển về Bệnh viện đa khoa tỉnh để đốt.

- Tại các bệnh viện tuyến huyện: Tất cả các bệnh viện tuyến huyện đang trong quá trình xây dựng bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đều có trang bị hệ thống lò đốt rác thải y tế từ đề án số 47/2007/QĐ-CP của Chính phủ, một số huyện được trang bị lò đốt rác thải từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước theo quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và quyết định số 58/2008/QĐ-TTg của Chính phủ.

- Tại các cơ sở y tế tuyến phường, xã: Tỉnh Long An hiện có 190 xã, phường, thị trấn toàn bộ số cơ sở y tế này điều chưa trang bị lò đốt rác thải y tế. Việc tiêu hủy rác y tế tại các cơ sở nói trên chủ yếu bằng phương pháp đốt thủ công hoặc chôn lấp.

2. Kế hoạch cải thiện việc xử lý rác thải rắn y tế tại địa phương.

Đến năm 2012 phần đầu 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, 70% cơ sở y tế tuyến huyện, đảm bảo thực hiện xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

30% cơ sở y tế tuyến huyện còn lại và 100% trạm y tế chất thải rắn nguy hại tại các cơ sở này được xử lý ban đầu trước khi thải ra môi trường.

Năm 2020 đảm bảo 100% cơ sở y tế từ tuyến tỉnh, đến trạm y tế đều thực hiện xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

3. Những kỳ vọng của Nhà Nước trong vấn đề xử lý chất thải y tế tại địa phương

Ngày 30/11/2007 Bộ Y tế ban hành quyết định số 43/2007/QĐ-BYT về việc ban hành quy chế quản lý chất thải y tế.

Ngày 20/10/2008 Bộ Y tế ban hành văn bản số 7164/BYT-KCB về việc tăng cường triển khai thực hiện quản lý và xử lý chất thải y tế.

Ngày 15/11/2011 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 2038/QĐ-TTg phê duyệt đề án tổng thể xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

Ngày 08/02/2012 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 107/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể xử lý chất thải y tế nguy hại đến năm 2025.

Việc ban hành các quy chế quản lý và phê duyệt đề án xử lý chất thải y tế nguy hại đã góp phần hoàn thiện hầu hết các hệ thống xử lý chất thải y tế tại các cơ sở có nguy cơ lây nhiễm nghiêm trọng tuyến tỉnh và tuyến huyện, nâng cao ý thức môi trường đối với nhân viên làm việc tại các cơ sở y tế nói trên, góp phần giảm thiểu nguy cơ lây bệnh tại cộng đồng.

4. Định hướng loại hình xử lý chất thải rắn y tế tại địa phương

Vấn đề xử lý rác thải y tế ở Long An cơ bản đã hoàn tất ở các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện, chủ yếu tập trung xử lý rác thải ở các trạm y tế, 190 trạm y tế xã hiện nay chưa có hệ thống xử lý rác đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia. Chủ yếu xử lý bằng phương pháp đốt thô sơ hoặc chôn lấp, nguy cơ tiềm ẩn việc lây lan truyền bệnh là rất lớn.

Rác thải từ trạm y tế khoảng từ 3 đến 5 kg/ngày. Việc xây dựng lò đốt rác với quy mô nhỏ hiện nay chưa có trên thị trường Việt Nam. Dự kiến trong quy hoạch của địa phương sẽ phân cụm từ 3 đến 5 trạm y tế sẽ xây dựng một lò đốt rác với công suất khoảng 10-20kg/giờ. Đến năm 2020 sẽ hoàn thành cho 190 trạm y tế xã đều xử dụng lò đốt rác theo tinh thần của Chính phủ đã phê duyệt tại quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011.

5. Những khó khăn và kỳ vọng trong việc cung cấp lò đốt từ nguồn vốn ODA

a. Những khó khăn mà địa phương đang gặp:

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng lò đốt rác trạm y tế ước khoảng 100 tỷ VNĐ (khoảng 1.2 tỷ/trạm).

- Nguồn nhân lực trạm y tế chưa được hướng dẫn đào tạo về quản lý, xử lý rác thải y tế, chưa ý thức được tầm quan trọng của rác thải y tế nguy hại đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

b. Những kỳ vọng trong việc cung cấp lò đốt từ nguồn vốn ODA

Để đáp ứng được nhu cầu sử dụng lò đốt rác thải tại trạm y tế một số tiêu chí cơ bản của lò cần đáp ứng gồm:

- Lò đốt phải có tính đa năng, đốt được hầu hết các loại rác thải từ trạm y tế như rác kim loại, rác thủy tinh, bông băng, cao su nhựa, chất hữu cơ...

- Sản phẩm của lò phải đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam ban hành QCVN 02:2008/BTNMT

- Kích thước và trọng lượng của lò đốt phải gọn nhẹ chiếm diện tích tối đa khoảng 20m².

- Giá thành tiêu hao năng lượng tối đa 10.000đồng/Kg

- Nguồn nhiên liệu cung cấp cho lò đốt là nhiên liệu rẻ tiền có sẵn tại địa phương, phụ tùng thay thế dễ mua.

- Vận hành đơn giản dễ sử dụng.

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

+ Số lượng bệnh viện: 21

+ Số lượng bệnh viện tự xử lý chất thải: 13

+ Số lượng bệnh viện tự xử lý bên ngoài: 03

+ Tỷ lệ dùng phương pháp đốt: 100% (các bệnh viện chưa trang bị lò đốt thường thu gom đến những lò đốt lân cận để thiêu hủy)

+ 190 TYT xã đốt rác bằng phương pháp thủ công hoặc chôn lấp

+ Chi phí xử lý hiện tại: bình quân 20.000VNĐ/Kg rác thải.

現地調査資料-5 ダイオキシン制御型・旋回式炉焼却炉（I V-300）の概要説明

非公開

現地調査資料-6： 面談記録（地方省を除く）

面談記録①

日時	2012年12月10日 午前10時30分～午前11時30分
先方 部門	JICA ハノイ
相手	F/Sアドバイザー：辻尾嘉文氏
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、Lieu（会川アジアビジネス研究所）
目的	本調査への協力依頼
内容	<p>※当初午後の面談予定であったが、辻尾氏が午後に予定が入ったことから、辻尾氏の要請にもとづいて面談について午前中に実施した。</p> <ul style="list-style-type: none"> ●今回の調査の目的趣旨および調査訪問先についての説明 <ul style="list-style-type: none"> ・今回の調査目的および入三機材の製品の説明を実施した。 ・資源環境省、保健省、計画投資省など現在の訪問予定について報告した。 ●ODA 案件化調査における JICA による当共同体への具体的な支援方法の確認 <ul style="list-style-type: none"> ・共同企業体だけではアポイントが難しい場合に、協力する。 ・共同体の調査について、JICA と日本大使館の共同書名によるサポーティングレターを発行する計画である。 ●計画投資省へのアポイントメントについて確認 <ul style="list-style-type: none"> ・計画投資省については、辻尾氏に協力いただいたことから、先方からの回答内容を含めて報告した。 ●保健省からの回答に対する相談 <ul style="list-style-type: none"> ・保健省より、面談要請には対応するが、質問への回答については、正式な外交ルートによるとの回答を受けている旨を説明した。 ・正式に採択されたら、上記のサポーティングレターなどで支援するとの回答であった。 ●今後の協力の依頼 <ul style="list-style-type: none"> ・ひきつづき協力いただく旨、改めて依頼した。 ●その他今回の調査に関する情報提供 <ul style="list-style-type: none"> ・保健省直轄の医療機関は、ハノイ、ホーチミン、フエ、フォアビンの4にある。それ以外は、地方政府の傘下に置かれている。このため政府としての各種方針は保健省が立案するが、対策の実行は地方政府が行う。 ・ベトナム国では、すでに公表されているもの以外での情報の取得は、非常に難しく、通常の方法では不可能に近い。この点で JICA も大変苦勞している。 ・今回の ODA 案件化調査でベトナムに関しては9件あり、内6件が採択済み。ベトナム国内での調査は、先週からスタートしている。
所見・他	サポーティングレターの発行に向けて必要な準備を進める。

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録②

日時	2012年12月10日 午後2時00分～午後3時00分
先方 部門	JICA ハノイ
相手	シニアアドバイザー：三浦愛氏 職員：Dao Thi Khanh 氏
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 lieu（会川アジアビジネス研究所）
目的	本調査への協力依頼
内容	<p>●今回の調査の目的趣旨および調査訪問先についての説明</p> <ul style="list-style-type: none"> ・今回の調査目的および入三機材の製品の説明を実施した。 ・資源環境省、保健省、計画投資省など現在の訪問予定について報告した。 <p>●昨年の八千代エンジニアリングの調査についての確認</p> <ul style="list-style-type: none"> ・昨年 JICA の委託事業として八千代エンジニアリングにより、医療廃棄物及び排水についての調査を実施した。この調査は、ベトナム保健省より依頼されて実施したものであり、JICA としては、Dao 氏が関与した。 ・JICA としては、医療廃棄物及び排水についての調査の実施は上記のものがはじめてである。保健省からの要請にもとづいたものであることから、保健省としての課題認識が高く、今後何らかの具体的なアクションに移っていくものと考えられるが、現時点で JICA に対して具体的な相談はない。 <p>●医療廃棄物に関する保健省の部門について</p> <ul style="list-style-type: none"> ・医療廃棄物については、予防医療局内に担当があったが、現在は独立して医療環境局となっている。金曜日に面談予定の部門は医療環境局であった。 ・上記の医療廃棄物及び排水に関する調査においては、保健省、資源環境省の他に、建設省が関与している。また、保健省における世界銀行の窓口は、企画財務局である。 <p>●医療廃棄物に関する政府方針について</p> <ul style="list-style-type: none"> ・医療廃棄物・排水については、2～3年前に大統領によるディシジョンペーパーが発行されており、問題が深刻な医療機関について名前などが具体的に示されている。リストは公表されているので入手可能。世界銀行による医療廃棄物・排水に関するプロジェクトも公表されている資料に基づいている。 <p>●その他</p> <ul style="list-style-type: none"> ・医療廃棄物については、最近も使用済みの点滴用チューブを横流しするといった問題が発生しており、すべて廃棄という方針から一部についてリサイクルを許可するよう法令の変更が行われた。 ・ベトナムでは医療廃棄物の分別についてルールが決められており、「針」と「それ以外医療廃棄物」としている。また、医療機関であっても一般の廃棄物も排出される。 ・保健省については、面談は受け付けるが、回答は外務省を経由するという回答を得ていることについて対応を協議した。 ・保健省の姿勢については、JICA としては心配することはなく、詳細について説明するとともに、後ほど情報の提供を受けられるよう、連絡先を示しておくことで対応可能であるとの提案を受けた。 ・ひきつづき協力いただく旨、改めて依頼した。
所見・他	保健省の面談相手に対して、JICA から一方向にいただく旨依頼した。

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録③

日時	2012年12月10日 午後3時30分～午後4時30分
先方 部門	JETROハノイ
相手	職員：藤森義人氏
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 Lieu（会川アジアビジネス研究所）
目的	本調査への協力依頼とベトナムの金融経済状況に関する情報収集
内容	<p>①本調査への協力について</p> <ul style="list-style-type: none"> ・JETROハノイでの環境系の企業からの問い合わせは少ない。内容としては廃熱や汚泥、焼却灰等の再利用に関する製品や技術をベトナムで活用できないかといったもの。ベトナム政府より環境への配慮を重視すると言った方針が出されていることもある。しかし、実際の現場を見て、廃棄物などの処理に対して意識が低いことを認識し、まだ時期が早いといったイメージをもたれ、ビジネスになる状況ではない。 ・JETROとしては、保健省へのアクセスはほとんどないことから、ベトナム政府へのアポイントについての支援は難しい。 ・ベトナム政府内は非常に縦割りであることから、部門によって説明内容が食い違うといったこともたびたびある。 <p>②金融機関の再編について</p> <ul style="list-style-type: none"> ・ベトナム国内では、不動産バブルの崩壊で、金融機関が危機的状況にある。現在ベトナムで上場している金融機関が10行程度あるが、これ以外の銀行が生き残るのは非常に難しい状況である。ベトナム政府としては財政が厳しいことから、日本のように政府が資金を提供して不良債権処理を進めるという方針ではない。 ・ベトナムの金融機関の融資規模は約10兆円と試算されており、このうち8000億ドルが不良債権とされているがこの倍という見方が有力となっている。ベトナムの金融機関は株式を相互持合していることから、実際の体力は非常に脆弱であるとされ、国内の金融機関が自力で再編するのは難しい。一方で、外資による支援との見方もあるが、ベトナムの金融機関は独特の仕組みであり、投資というよりも投機というリスクのレベルにあることから、支援する金融機関は少ない。また、支援を受けるとしても、外資は上限15%との制限もあり、十分な支援は難しい。 ・ベトナムの場合、利ざやが4～5%と大きい。また、来年から景気が回復するとの見方もある。このため、景気が回復すれば、見かけ上は、不良債権の負担が軽減されるとの見方もある。また、ベトナム国内の金融業界以外の支援も想定される。 ・ベトナム国内では、企業の経営管理の整備が不十分であり、融資を受けることについては熱心であるが、返済についての意識が高いとは言えない状況にある。こうした点についても改善の必要がある。 ・入三機材としては、ベトナム国内の産業廃棄物処理事業者に対して販売していきたいが、産業廃棄物処理事業者が、ベトナム国内の金融機関の融資を受けにくい状況にある。こうした点の改善が求められる。 ・ODAでツーステップローンのような事業が行われているが、こうしたものをベトナム国内の環境系のビジネスに対しても実施してもらおうという方法もあるのではないか。 ・経済規模が日本の約50分の1であり、これらがハノイとホーチミンに分散しており、相互に経済的な連携も見られないことから、約100分の1の規模である。一方で、タイは日本企業の進出も多く、ラオスやカンボジア、ミャンマーなどと比べるとインフラや制度の整備状況、人件費の状況などを見ると、ベトナムということになる。また、進出を検討している企業の多くが、中国の政情不安や人件費の高騰等を見越したバックアップの製造拠点との意味合いを持たせている。こうしたことから、どこまで手間をかけて支援すべきかが難しい状況にある。
所見・他	

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録④

日時	2012年12月11日 午前10時30分～午前11時30分
先方 部門	世界銀行 ベトナム支社
相手	保健衛生部門担当：Mr. Le Minh Sang 氏
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、Bao（現地雇人）、通訳1名
目的	世界銀行が支援しているベトナムにおける医療廃棄物処理支援プロジェクトの概要の把握と連携可能性の確認
内容	<p>世界銀行では、ベトナム保健省による医療機関における排水、廃棄物の適切な処理を実現するために、1億5,000万ドルのプロジェクトを行っている。このプロジェクトは、保健省により計画されたものであり、世界銀行としては、財政支援とともに、中央政府による「政策立案」「政策実行能力の改善」「計画」を支援している。</p> <p>「計画」とは、「医療廃棄物の処理」「排水の処理」「排水・廃棄物管理の規程の整備」「排水・廃棄物管理の連携」「リーダーの育成」といったことの計画作成を支援するものである。「リーダーの育成」とは、行政側の管理者から、医療施設の管理者、医師、作業員、監視員等を育成する者である。</p> <p>また、ハードについては、病院内の「排水処理システム」「廃棄物の処理システム」に関する設備の整備を支援しており、病院内での管理のサポートや内部教育も支援している。</p> <p>このプロジェクトでは、感染性医療廃棄物をマイクロウェーブ等の非焼却設備を使って無害化し、通常の廃棄物として排出し埋立て処理する方針である。また、院外での処理については関与していない。</p> <p>ベトナム国内の医療機関の約50%は焼却炉を持っているが、小型の焼却炉は、環境によくないとされていることから、これらをすべて撤去させ、病院内での焼却処理を行わせないようにする。院外でも焼却処理については支援しない。</p> <p>なお、病院外での処理については、当プロジェクトでは深く関与していないため、集中処理センターでの処理については情報を持っていない。</p> <p><世界銀行による医療排水廃棄物処理プロジェクト：補足></p> <p>本プロジェクトは、2012年～2016年にかけて①政策強化②医療廃棄物処理の改善のための投資支援③実行支援の3つの目標を掲げ、まずは、国立病院5カ所（精神、伝統医学、耳鼻咽喉、眼科、肺疾患）とメコンデルタ5省（ベンチェ、ロンアン、ティエンザン、ドンタップ、キエンザン）の省立病院20カ所で展開する。</p>
所見・他	<p>世界銀行は非焼却を推進する方針のようである。別の情報であるが、欧州では埋立てが中心のため、自国の利益のためにも発展途上国で非焼却を振興させたいとの思惑があり、今回の世界銀行のプロジェクトも非焼却がメインのもよう。</p>

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑤

日時	2012年12月11日 午後1時30分～午後3時00分
先方 部門	天然資源環境省 廃棄物管理・環境改善局
相手	廃棄物管理・環境改善局局長：Mr.Nguyen Hoa Binh 有害廃棄物管理部長：Mr.Yen
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、 Bao（現地雇人）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑥

日時	2012年12月12日 午前9時00分～午前10時40分
先方 部門	ベトナム環境工業協会
相手	副会長 Mr. Nguyen Gia De
当方	上西、奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 Lieu（会川アジアビジネス研究所）、Bao、Chi（現地雇人）、通訳1名
目的	本調査への協力の依頼
内容	<p>①協会の概要</p> <p>本協会は、新しい環境技術の研究と国内での環境産業の振興を目的として、2011年6月に設立された機関であり、政策立案、研究とコンサルティングを行っている。</p> <p>2012年5月に環境産業に関する国家戦略が承認された。これには、「資源の安定利用」、「環境産業の育成」といったことが示されており、特に、環境関連の産業を重要産業と位置付け、商工省が中心となり天然資源環境省が協力して振興することになっている。当協会は、この戦略の中で、環境産業の育成等の役割を担う。</p> <p>②焼却処理について</p> <p>当協会では、農村部での固形廃棄物の焼却処理について研究している。特に油の使用量を減らすことが重要課題となっている。医療廃棄物についても焼却による処理は賛成する。ただし、大気汚染のリスクがあるので、これを如何に軽減するかが課題である。</p> <p>③調査及び今後の展開への協力</p> <p>当協会は、国内の環境産業の民間業者はもとより、環境関連の研究機関、商工省、天然資源環境省、科学技術省等のOB及び現役の行政職員が多数参加しており、会長は商工省の副大臣である。このため、政策等の立案も重要な業務となっている（面談した副会長も商工省の科学技術関連部門の副局長であった）。</p> <p>協会としては各省庁等への強い影響力があるので、当協会が関係機関を集めて協議体を編成して調整したうえで、ODA事業に取り組むといったことも可能である。また、当協会自身がODAの窓口となるといったことも不可能ではないし、保健省と連携して取り組むことも可能である。</p> <p>また、すぐにODAということではなく、当協会と連携して関係者を集めてセミナーを開催し、当社の焼却炉や計画しているODA事業を紹介して理解を求めるといった方法も考えられる。</p>
所見・他	商工省が中心であるが、行政機関への大きな影響力を持つことから、継続して協力関係をもつことで、今後の展開に寄与する。

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑦

日時	2012年12月12日 午後2時00分～午後3時30分
先方 部門	ハノイ都市環境公社
相手	ハノイ都市環境公社国際部：Ms.Lunh Thi Mai Huong URENCO11 社長：Mr.Nguyen Minh Ha
当方	上西、奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 Lieu（会川アジアビジネス研究所）、Bao、Chi（現地雇人）、通訳1名
目的	ハノイ都市環境公社における医療廃棄物処理業務の現状把握
内容	<p>ハノイ都市環境公社は、主にハノイ及びその周辺部における廃棄物処理、し尿処理、排水処理、道路清掃等を行っているハノイ人民委員会直轄の公社である。</p> <p>医療廃棄物をはじめとした産業廃棄物の処理は2つの子会社（株式会社）で行っている。URENCO11は、そのうちの1社。</p> <p>URENCO11では、産業廃棄物の処理は2000年から開始した。事業範囲は、ダナン以北の地域のうち、ハノイを除いた部分。なおハノイは、URENCO10の活動範囲である。</p> <p>当時は有害廃棄物処理に関する法律が整備されていなかった。また、開始当時の医療廃棄物はわずかであったが、その後法令の整備に伴い、医療機関から排出されるごみの処理ニーズが増加している。開始からすでに10年以上が経過し、設備の老朽化が問題となっている。また、ますます増加する処理ニーズにも対応できない可能性がある。</p> <p>URENCO11は、フンエン省に拠点があり、2011年に処理した産業廃棄物は約4万t/年であり、一日約78t/日。多くは埋立て処理しており、焼却処理やリサイクルも行っている。ハノイ資源環境公社の他の子会社と連携して、プラスチックのリサイクルにも取り組んでいる。焼却炉は処理能力が11t/日であり、有害産業廃棄物と医療廃棄物を混合焼却している。現在は処理しているが、産業廃棄物は年間12%、医療廃棄物は年間10%程度で増加しており、現在の処理能力ではまもなく限界を超える。</p> <p>また、今は医療廃棄物を含めて焼却炉は1台（ベトナム製）で運営している。故障や点検で停止する際には、産業廃棄物は保管できるが、医療廃棄物の保管は48時間と決められているので、URENCO10に依頼して処理する等、大変苦労している。2013年に大きな改良を計画しているが、この期間の処理をどうするかは課題となっている。</p> <p>医療廃棄物は、現在10,000VND/kgで収集している。焼却炉の近くの医療機関等だけを相手にしていれば採算が確保できるが、遠く離れた医療機関の医療廃棄物も受け付けており、こうしたところでは運送コストがかかるため、採算が良くない。一方で10,000VND/kgを節約するために医療機関内に焼却炉を設置したが、ランニングが負担となっているところもある。</p> <p>医療機関の立場としては、10,000VND/kgは決して安い値段ではない。価格面でもう少し低くしたいところであるが、ランニングコストと収集コストを考えるとこの程度の価格設定が必要。今は自前の焼却炉なので減価償却等のコストもあるが、ODAなどで支援を受ければその分を価格に転嫁して安くするといったことも考えられる。</p>
所見・他	1月の調査において処理の現場を視察するとともに、より詳細な情報の提供を約束された。

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑧

日時	2012年12月13日 午前9時00分～午前10時30分
先方 部門	天然資源環境省 計画局
相手	計画局部長 Mr.Nguyen Dan
当方	上西、奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 Lieu（会川アジアビジネス研究所）、Bao、Chi（現地雇人）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑨

日時	2012年12月13日 午後4時30分～午後5時30分
先方 部門	天然資源環境省 環境総局
相手	環境総局局長兼副大臣 Dr. Bui Cach Tuyen 他6名
当方	上西、奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 Lieu（会川アジアビジネス研究所）、Bao、Chi（現地雇人）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑩

日時	2012年12月14日 午前11時00分～午後12時30分
先方 部門	保健省 医療環境管理局
相手	医療環境管理局局長：Nguyen Huy Nga 医療環境管理部長：Ha
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 Lieu（会川アジアビジネス研究所）、Bao（現地雇人）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑪

日時	2012年12月14日 午後3時30分～午後4時30分
先方 部門	投資計画省 海外経済連携局
相手	日本担当責任者:Nguyen Hoang Linh
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 Lieu（会川アジアビジネス研究所）、Bao（現地雇人）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑫

日時	2013年1月7日 9時00分～11時30分
先方 部門	ハノイ市都市環境公社 URENCO11
相手	社長：Mr. Nguyen Minh Ha
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 会川、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、通訳1名
目的	URENCO11における医療廃棄物処理の実態の把握
内容	<p>①医療廃棄物の収集処理の現状</p> <p>URENCO11は、ハノイ近郊及びフンエン省等の北部地域の産業廃棄物の収集処理を担当している公社である。なお、ハノイ市内は別の URENCO 子会社が担当している。</p> <p>医療廃棄物については、エリア内の約 10 の病院から収集しており、2012 年で約 230 トン／年である。医療廃棄物を含めた焼却処理が必要なごみは、2010 年で 1,800 t／年、2011 年で 2,300 t／年と、収集量は、産業廃棄物と比べると多くはないが、急増している。なお、契約しているのは、主に省レベル、県レベルの病院や診療所等である。</p> <p>収集にあたっては、医療廃棄物専用車両 1 台（産業廃棄物用は全部で 30 台）を使い、24 リットルの専用容器にいらしてもらい、これを回収している。</p> <p>フンエン省総合病院のように比較的大きな病院の場合には、1 日 1 回収している。なお、郊外の病院等の場合には、発生量が少ないため、数日に 1 回程度の時間で回収している。料金は、13,000～14,000VND/kg である。</p> <p>焼却は、産業廃棄物の焼却処理と同じ焼却炉 10 t／日を使用している。回収した医療廃棄物は、いろいろなものが混ざっており、焼却前に分別が必要である。このため、分別、焼却、最終処分は、責任者を含めて八人体制で行っている（ただし、これは産業廃棄物の焼却処理とあわせた人員である）。分別作業に当たっては、厚手の手袋等を使用しているため、針刺しや割れたビンなどでの事故は発生していない（医療廃棄物は、空調により温度管理された専用の部屋に入れられていた）。</p> <p>焼却は、産業廃棄物の焼却炉で医療廃棄物も一緒に燃やしている。焼却炉はベトナム製で、10t／日。2009 年に導入し、改修を頻繁に行っているが、劣化が激しい（視察当日は、稼動していなかった）。</p> <p>URENCO11 による産業廃棄物の収集エリアは、営業許可は北部全域とクアンナム省までの地域である。実際の収集エリアは、ハノイ郊外、フンエン省、ハイフオン市、バクミン省、バクサン省である。</p> <p>出資はハノイ人民委員会であるが、処理場の土地はフンエン省から提供を受けている。また、所管はフンエン省の資源環境局である。</p> <p>焼却処理が必要なものは、手術の血液が付着したもの、針、薬品の残りなど。リサイクルできるものは、保健省から具体的に示されている。</p> <p>②首相決定 170 号への対応</p> <p>URENCO11 は、フンエン省を中心とした地域の廃棄物処理の集中センターであるので、資源環境省への提出も簡単である。許可も早く取れる。</p>
所見・他	<p>医療廃棄物を収集後に分別作業しているのは、日本では考えられない行為である。それ以外については想定した通りの処理手順であった。</p> <p>なお、URENCO11 は、医療廃棄物専用の焼却炉を保有していないため、当社の調査に大きく期待されている。</p>

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑬

日時	2013年1月7日 14時10分～15時20分
先方 部門	科学技術アカデミー
相手	科学技術アカデミー副所長：Dr.Trinh Van Tuyen 氏 焼却炉関連の責任者、技術担当者、国際協力の担当者 3名
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 会川、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、通訳1名
目的	科学技術アカデミーで開発し販売している小型焼却炉に関する情報収集
内容	<p>①当アカデミーの紹介</p> <ul style="list-style-type: none"> ・ベトナム科学技術研究省に所属する研究所であり、ダナンやホーチミンにも支部がある。 ・研究分野は大きく分けて「環境規格」「環境汚染処理技術」「クリーン技術」「環境分析」「バイオ技術」の五つ。教育も行っている。 <p>②医療廃棄物用焼却炉について</p> <ul style="list-style-type: none"> ・医療廃棄物、有害固形廃棄物の焼却炉の研究を行っていた。1995年に1番目の焼却炉を開発し、現在までにベトナム全土で約50台程度を導入した。また、JICAのラオスでの事業についても、2012年に2台提供した。 ・当アカデミーの焼却炉は、5kg/h、10～15kg/h、15～30kg/hの3種類でいずれも医療機関への設置を目的としている。 ・当センターの焼却炉は、塩素除去対策として、二つ方法を採用している。一つは、第2燃焼室の温度を1100度以上とすること。もう一つの方法は、空気の滞留時間を1.5秒～2秒とすること。大気汚染に関する基準に準拠すること、例えばダイオキシン等の基準を満たし、なおかつコストを抑えるという目的で研究開発を行った。 ・ベトナム国内における、日本製の医療廃棄物用の焼却炉については、A社というメーカーの製品が有名である。最近でも、マスコミベースの話であるが、八か所の病院で導入したということを知っている。ただし、我々としては、この製品は、医療廃棄物専用ではないとみている。 ・保健省の複数のプロジェクト、例えば世界銀行、アジア開発銀行との事業においては、焼却処理をなるべく避けるようになってきている。これは、世界銀行やアジア開発銀行の方針ではあるが、保健省もその影響を受けて、焼却方式に消極的になる可能性がある。 ・当アカデミーの焼却炉は、病院内への設置を想定して開発した製品である。このため、政府の方針が集中処理中心となったため、病院の中への設置は難しくなる。このため、当アカデミーの持つ小型焼却炉の市場大きく縮小している。一方、貴社の焼却炉は、規模的には集中センターへの設置に適しており、当アカデミーとして、研究で協力できることがあれば協力したい。
所見・他	科学技術アカデミーの開発した焼却炉は、院内焼却を想定して開発されたものであることから、処理能力が小さいために、集中焼却の方針により、採用されなくなるとの見通し。集中処理用を新たに開発するとの意向はなく、当社の焼却炉の普及に協力を受けられる可能性がある。

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑭

日時	2013年1月7日 午後3時40分～午後5時10分
先方 部門	JICA ハノイ
相手	<p>所長：築野元則氏</p> <p>シニアアドバイザー：三浦愛氏</p> <p>F/Sアドバイザー：辻尾嘉文氏</p> <p>職員：Dao Thi Khanh 氏</p>
当方	<p>奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、</p> <p>会川、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、通訳1名</p>
目的	今後の調査に対する協力要請と意見交換。
内容	<p>①これまでの調査結果の報告</p> <p>前回の保健省、天然資源環境省の訪問の成果及び南部地方省の訪問結果について当社より報告した。</p> <p>②今後の調査に対する提案</p> <ul style="list-style-type: none"> ・今回の案件化調査は、ベトナム国だけで11件採択されている。次のステップに移行する際には、これらとの競合となる。 ・ODAは要請主義であるため、ベトナム国政府として、入三機材の焼却炉を導入することが、他に比べてメリットがあるということを客観的に示していくことが重要である。そのためには、競合他社製品等と比較して、どこが強みであるかを客観的に示す必要がある。比較表を作成して整理すること。 ・最終的な提案において、できるだけ多様な案を用意することが重要。 ・ベトナム政府側のパートナーは早期に決定するのが通常のスタイルである（どの省と進めるかを特定する必要があるのかとの質問に対する回答）。 ・どこで製造したとしても、日本国内の中小企業である入三機材として提供することであれば、本件について問題はない。（今回のODAの要件と入三機材の要件の確認についての回答） ・病院側としては、小型の焼却炉を病院内において処分することを希望しているのではないか。→南部の視察の結果として、それが一番よいというのが本音のところ。しかし、集中処理の政府方針が示されているので、これに準拠しなければならない。 ・ベトナム国内では、医療廃棄物処理は重要な課題となっている。JICAとしても、過去の調査の中で認識しており、何らかの対応が必要であると考えている。 ・報告の際には、コマーシャルベースとODAに分けてシナリオを作成すること。
所見・他	アドバイスを受けた内容に重点を置きながら、今回調査を進める必要がある。

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑮

日時	2013年1月8日 午前9時～午前10時
先方 部門	資源環境省 国際協力局
相手	国際協力局副部長：Mr.Nguyn Xuan Bao Tam氏
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 会川、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑩

日時	2013年1月8日 11時10分～12時50分
先方 部門	建設省 インフラ技術指導部
相手	インフラ技術指導部副部長：Dr. Tran Anh Tuan氏 他2名
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 会川、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。

面談記録⑰

日時	2013年1月8日 午後2時～午後3時30分
先方 部門	保健省 医療環境局
相手	医療環境局長：Mr. Nguyen Huy Nga 他、医療環境部長、同副部長
当方	奥村（入三機材）、佐伯（浜銀総研）、 会川、Lieu（会川アジアビジネス研究所）、通訳1名
目的	非公開
内容	非公開
所見・他	非公開

注：本面談記録は、出席者に内容確認したものではない。